

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH,
NHIỆM KỲ 2020 - 2025 TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

**Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch,
vững mạnh; phát huy bản sắc văn hóa, sức mạnh
đại đoàn kết toàn dân; giữ vững quốc phòng, an ninh;
đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ; huy động
mọi nguồn lực xây dựng Gia Lai trở thành tỉnh
phát triển khá của cả nước**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là sự kiện chính trị trọng đại, là dấu mốc quan trọng trong chặng đường phát triển mới của tỉnh Gia Lai; diễn ra vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử; cả nước vừa hoàn thành cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và trải qua 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế đã được nâng lên một tầm cao mới. Với phương châm **Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển**, kế thừa những thành quả đã đạt được, truyền thống cách mạng vẻ vang, với tiềm năng to lớn của không gian phát triển mới, Đại hội xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá để tỉnh Gia Lai cùng cả nước vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định khóa XX và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI được triển khai thực hiện trong bối cảnh cục diện thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề mới, chưa có tiền lệ; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh, sâu sắc và toàn diện; các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp; kinh tế thế giới suy giảm và bất ổn. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á tiếp tục giữ vị trí chiến lược quan trọng, song đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Ở trong nước, trong tỉnh, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, dưới tác động sâu sắc bởi những yếu tố bất lợi của tình hình thế giới, khu vực, hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai... cùng với những hạn chế, khuyết điểm từ nhiều năm trước, kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của 2 tỉnh Gia Lai, Bình Định nói riêng đều đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn.

Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương, 5 năm qua, Đảng bộ, dân và quân 2 tỉnh với ý chí, khát vọng phát triển, tích cực phát huy thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ 2 tỉnh và đạt được kết quả khá toàn diện.

I - KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tỉnh Bình Định đã thực hiện đạt và vượt 21/22 chỉ tiêu Nghị quyết; tỉnh Gia Lai đã thực hiện đạt và vượt 14/23 chỉ tiêu Nghị quyết; trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt 6,71%; GRDP bình quân đầu người đạt 3.555 USD/người/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng với tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 68,9%; thu ngân sách đến cuối năm 2025 ước đạt 27.000 tỷ đồng.

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1 - Công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được đặc biệt coi trọng, triển khai đồng bộ, quyết liệt, đạt được kết quả toàn diện

1.1.1 - Công tác chính trị, tư tưởng; xây dựng Đảng về đạo đức được tăng cường

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã thường xuyên quan tâm, thực hiện đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng cho cán bộ, đảng viên; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân. Kịp thời quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ 2 tỉnh, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng và tổ chức thực hiện đạt kết quả quan trọng; đồng thời, chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng học tập, nâng cao trình độ nhận thức; nội dung, hình thức luôn được chú trọng đổi mới. Vai trò của báo chí, truyền thông và văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng được phát huy.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội được đẩy mạnh; hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo 35, Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội các cấp được nâng lên. Công tác nghiên cứu, biên soạn và xuất bản lịch sử, truyền thống của các đảng bộ, tổ chức, cơ quan, đơn vị trong tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên với nội dung và hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu của cán bộ, đảng viên hằng năm.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ngày càng đi vào chiều sâu, chất lượng được nâng lên. Các cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chú trọng đổi mới trong công tác tổ chức, quản lý, đánh giá chất lượng đào tạo, đào tạo theo chức danh lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, điều hành, xử lý những tình huống cụ thể ở cơ sở.

Công tác xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên được đề cao; kịp thời quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp. Nhờ đó, bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu, vai trò tiên phong gương mẫu, năng lực giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Công tác dân vận được tăng cường. Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dân vận; chú trọng đối thoại, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; chỉ đạo thực hiện nghiêm Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”⁽¹⁾, tạo sự đồng thuận xã hội. Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm, không để xảy ra các vụ việc phức tạp. Vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và

⁽¹⁾ Giai đoạn 2020 - 2025, toàn tỉnh xây dựng được 5.813 mô hình; Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng Bằng khen cho 35 tập thể và 27 cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”.

hệ thống chính trị vững mạnh, phát triển kinh tế - xã hội được tăng cường, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân.

1.1.2 - Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã kịp thời tổ chức quán triệt, cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Triển khai hoàn thành việc tổng kết và đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính và tinh gọn tổ chức bộ máy, mặc dù gặp không ít khó khăn, thách thức với khối lượng công việc rất lớn, nhiều việc khó, phức tạp, thực hiện trong thời gian không nhiều, “vừa chạy vừa xếp hàng”, nhưng cấp ủy và chính quyền 2 tỉnh Gia Lai và Bình Định, trước hết là 2 Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đã chung sức, đồng lòng, huy động cả hệ thống chính trị quyết liệt vào cuộc, vì lợi ích chung. Do đó, đã hoàn thành sáp nhập tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai, kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện và sắp

xếp đơn vị hành chính cấp xã 2 tỉnh. Sau sắp xếp, sáp nhập, từ 01/7/2025, tỉnh Gia Lai mới còn 110 xã và 25 phường, giảm 28 đơn vị hành chính cấp huyện, 238 đơn vị hành chính cấp xã; các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh giảm 36 đầu mối; giảm 3.130 cán bộ, công chức, viên chức.

Việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên được các cấp ủy quan tâm, có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng⁽²⁾. Công tác quản lý đảng viên được tăng cường; thường xuyên rà soát, sàng lọc, xử lý nghiêm đảng viên vi phạm, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý được triển khai chặt chẽ, hiệu quả, đủ về số lượng, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng. Chú trọng đến cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số và đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho đội ngũ cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt các cấp. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, chế độ chính sách đối với cán bộ được tăng cường. Các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ tiếp tục được hoàn thiện, triển khai thực hiện đạt kết quả tích cực.

⁽²⁾ Trong 4 năm đầu nhiệm kỳ, tỉnh Bình Định đã kết nạp 11.161 đảng viên mới, bình quân hằng năm đạt 3,96% trên tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh (chỉ tiêu trên 4%); tỉnh Gia Lai (cũ) đã kết nạp được 8.635 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp được 2.159 đảng viên; tỷ lệ kết nạp đảng viên vượt 0,28% so với Nghị quyết đề ra.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng. Công tác thẩm tra, kết luận tiêu chuẩn chính trị được thực hiện chặt chẽ, thận trọng; việc bố trí, sử dụng cán bộ có vấn đề chính trị được thực hiện đúng theo quy định. Chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan theo quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên đi công tác, học tập, tiếp xúc, quan hệ với các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài. Xây dựng, triển khai kế hoạch rà soát, thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.1.3 - Công tác nội chính; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tăng cường, đạt được nhiều kết quả quan trọng⁽³⁾

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nhiệm kỳ qua đã bám sát và phục vụ mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị,

⁽³⁾ Các Đoàn Kiểm tra, Đoàn Công tác của Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo 35 vụ việc; kết quả: Đã lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, giải quyết và được Trung ương kết thúc theo dõi 30 vụ việc, còn 05 vụ việc đang tiếp tục chỉ đạo, xử lý. Bên cạnh đó, các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị tiếp nhận và xử lý 5.242 đơn (kiếu nại: 2.100 đơn, tố cáo: 969 đơn, phản ánh, kiến nghị: 2.173 đơn); đã giải quyết xong 5.150 đơn thuộc thẩm quyền, hiện còn 92 đơn đang giải quyết, tỷ lệ giải quyết 98,2%. Đã xử lý, giải quyết 11/12 vụ việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài, đông người, vượt cấp; còn 01/12 vụ việc đang giải quyết (vụ việc liên quan đến cổ phần hóa Công ty Cà phê Gia Lai tại huyện Chư Sê cũ).

bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tạo tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh; nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được nâng lên. Kịp thời triển khai thực hiện nghiêm các quy định về kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân.

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, kịp thời, đúng quy định. Công tác cải cách tư pháp được đẩy mạnh; chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Thường xuyên quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị làm công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

1.1.4 - Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên

Đã lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, phù hợp với các quy định của cấp trên và yêu cầu nhiệm vụ của Đảng bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm được chú trọng, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Nhiều vụ việc nghiêm trọng, phức tạp đã được kiểm tra, xử lý theo đúng quy định⁽⁴⁾. Đồng thời, đã kịp thời thông tin các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nhất là thông tin các vụ việc được dư luận xã hội quan tâm⁽⁵⁾.

Các cấp ủy thường xuyên chỉ đạo kiện toàn ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ trẻ để đào tạo thực tế ở cơ sở, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng bộ có năng lực, bản lĩnh chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng với công tác giám sát của các cơ quan dân cử, công tác thanh tra, kiểm toán của các cơ

⁽⁴⁾ Vụ việc liên quan đến các dự án/gói thầu Công ty Cổ phần tiến bộ quốc tế AIC và các doanh nghiệp thuộc hệ sinh thái AIC trúng thầu trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến năm 2021 (tỉnh Gia Lai cũ); vụ việc liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cho thuê đất trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh (tỉnh Bình Định cũ).

⁽⁵⁾ Vụ việc thuộc công trình xây dựng đường Hoàng Văn Thụ nối dài, thành phố Quy Nhơn (tỉnh Bình Định cũ); vụ việc liên quan công tác thi hành án dân sự tại Chi ủy Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (cũ); vụ việc triển khai thực hiện mua sắm thiết bị xét nghiệm Covid-19 tại Đảng ủy Sở Y tế (tỉnh Gia Lai cũ).

quan nhà nước và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

1.1.5 - Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được đổi mới, đạt nhiều kết quả tích cực

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã kịp thời quán triệt, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Chú trọng đổi mới phong cách, tác phong công tác, phân công cán bộ, đảng viên phụ trách, theo dõi địa bàn để nắm bắt tình hình, kịp thời phối hợp, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở. Chỉ đạo triển khai quyết liệt Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

1.2 - Năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ngày càng được nâng lên; cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh

Vai trò và chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh tiếp tục được nâng lên; đã chú trọng thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng các kỳ họp thường lệ, kỳ họp chuyên đề và hoạt động tiếp dân, tiếp xúc cử tri của

đại biểu Hội đồng nhân dân; thực hiện tốt chức năng giám sát theo luật định. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh được nâng lên; việc phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được đẩy mạnh.

Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được chú trọng, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đẩy mạnh. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh (SIPAS), dịch vụ công mức độ 4 không ngừng được cải thiện, góp phần phục vụ tốt hơn nhu cầu của tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

1.3 - Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục được đổi mới, đạt nhiều kết quả quan trọng; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được phát huy

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức, sắp xếp lại, nội dung, phương thức hoạt động có nhiều đổi mới, bảo đảm thống nhất, hiệu quả, sát cơ sở; cán bộ các cấp thường xuyên được kiện toàn theo hướng nâng cao chất lượng và từng bước trẻ hóa. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động được triển khai tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu, qua đó tập hợp quần chúng, phát triển đoàn viên,

hội viên, củng cố tổ chức đoàn thể các cấp. Dân chủ cơ sở, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện được đẩy mạnh, chất lượng giám sát, phản biện xã hội được nâng cao.

2. Phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1 - Phát triển kinh tế

2.1.1 - Sản xuất công nghiệp

Đã ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề giai đoạn 2020 - 2025. Sản xuất công nghiệp có bước phát triển và tăng trưởng khá, đạt 10,77%/năm; cơ cấu ngành công nghiệp trong nền kinh tế chuyển dịch đúng hướng, chiếm tỷ trọng 24,21% trong GRDP; ngành công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng tái tạo và chế biến các nông, lâm sản chủ lực của tỉnh gắn với các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn được ưu tiên; các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh giữ vững tốc độ tăng trưởng. Công tác quy hoạch, phát triển công nghiệp và rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề được chú trọng; đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư, lấp đầy các khu, cụm công nghiệp hiện có, trong đó, ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, tạo giá trị gia tăng cao. Một số dự án mới có quy mô lớn, công nghệ hiện đại đã hoàn thành, đi vào hoạt động sản xuất đóng góp vào tăng trưởng chung của tỉnh.

2.1.2 - Sản xuất nông nghiệp

Đã ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát triển lâm nghiệp bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện; chuyển dần theo hướng sinh thái, xanh, ứng dụng công nghệ cao; tốc độ tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3,75%/năm; cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản có sự chuyển dịch khá rõ nét, năm 2021 chiếm tỷ trọng 29,27%, đến năm 2025 chiếm tỷ trọng 27,1% trong GRDP.

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng; bước đầu hình thành nhiều mô hình, trang trại, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao⁽⁶⁾; các sản phẩm sản xuất theo chuỗi giá trị theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, VietGAP, thích ứng với biến đổi khí hậu... ngày càng tăng. Chăn nuôi ngày càng phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp, trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát được dịch bệnh⁽⁷⁾. Ngành nuôi trồng và đánh bắt thủy sản tiếp tục phát triển; cơ sở hạ tầng nghề cá tiếp tục được đầu tư hoàn thiện;

⁽⁶⁾ 18 vùng sản xuất nông nghiệp có tính chất công nghệ cao với tổng diện tích 3.489,6 ha.

⁽⁷⁾ Trên địa bàn tỉnh hiện có trên 2.000 trang trại chăn nuôi, trong đó có hơn 100 trang trại chăn nuôi, sản xuất heo giống theo hướng ứng dụng công nghệ cao; 169 dự án đề xuất đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao, tuần hoàn...

các chính sách hỗ trợ ngư dân được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU). Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được chú trọng, tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 44,6% năm 2020 lên 46,09% năm 2025. Hệ thống thủy lợi trên địa bàn tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp; cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh, góp phần tăng năng suất, hiệu quả sản xuất và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, tạo cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

2.1.3 - Hoạt động thương mại, xuất khẩu, dịch vụ, du lịch, thu ngân sách

Hạ tầng thương mại, dịch vụ được quan tâm chỉ đạo đầu tư hoàn thiện. Các hoạt động xúc tiến thương mại được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả. Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” được đẩy mạnh thực hiện. Mạng lưới thương mại, dịch vụ phân bổ rộng khắp các địa bàn. Dịch vụ tăng trưởng bình quân 6,92%/năm, chiếm tỷ trọng 38% trong GRDP. Giai đoạn 2021 - 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt trên 741.200 tỷ đồng; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 12.000 triệu USD. Quy mô sản xuất hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp được đầu tư mở rộng; cơ cấu hàng xuất khẩu có sự

chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực; thị trường xuất khẩu được mở rộng. Hạ tầng logistics ngày càng được cải thiện với đầy đủ các hệ thống giao thông. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về logistics được quan tâm. Các dịch vụ tín dụng - ngân hàng, bảo hiểm và hỗ trợ kinh doanh không ngừng phát triển. Chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt; thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng tiếp tục được đẩy mạnh.

Đã ban hành và chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình hành động về phát triển du lịch giai đoạn 2020 - 2025. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được chú trọng, Gia Lai tiếp tục là điểm đến mới hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; đến năm 2025, lượng khách du lịch đến tỉnh ước đạt 12,4 triệu lượt, vượt 22,77% so với Nghị quyết. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trưởng qua các năm, đến cuối năm 2025 ước đạt 27.000 tỷ đồng, vượt 20% so với Nghị quyết; cơ cấu nguồn thu ngày càng bền vững; chi ngân sách địa phương bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, dành nguồn lực ưu tiên để chi đầu tư phát triển.

2.1.4 - Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm qua tăng trưởng khá, chiếm tỷ trọng 38,1% GRDP. Chương trình phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm thực hiện đạt kết quả nổi bật; các công trình, dự án được đầu tư đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống giao thông kết nối vùng, tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh; đã hoàn thành, đưa vào sử

dụng nhiều tuyến giao thông quan trọng và tiếp tục tập trung nguồn lực cho nhiều tuyến giao thông huyết mạch khác⁽⁸⁾; hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện; hệ thống thủy lợi tiếp tục đầu tư nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, chú trọng xây dựng, hiện đại hóa trung tâm hậu cần nghề cá Tam Quan; cải tạo, nâng cấp các khu neo đậu Tam Quan, đầm Đề Gi; tăng cường đầu tư, nâng cấp nhiều công trình cấp nước sinh hoạt, bảo đảm cơ bản nhu cầu cho vùng thường xuyên thiếu nước trong mùa nắng hạn. Hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa được đặc biệt quan tâm đầu tư; hạ tầng số từng bước được đầu tư đồng bộ, hiện đại, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành và triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các khu vực trong tỉnh tiếp tục liên kết phát triển, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế. *Khu vực đô thị* tiếp tục được chỉnh trang theo hướng hiện đại, thông minh; đồng thời, quy hoạch và phát triển một số khu đô thị mới, nâng tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 42,7%. *Khu vực cao nguyên và đồng bằng* tiếp tục hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh cây trồng, nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng

⁽⁸⁾ Các công trình nổi bật như: Đường ven biển, các đường trục nối Quốc lộ 1 với đường ven biển; cao tốc Bắc - Nam phía Đông; đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát; đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku,...

trang trại, công nghệ cao. Một số làng nghề được khôi phục, phát triển; đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh; bảo đảm 99% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 47,5% sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung. *Khu vực miền núi và biên giới* được đặc biệt quan tâm. Cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được quan tâm đầu tư, tạo động lực, điều kiện lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa bàn lân cận. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu được chú trọng đầu tư; 100% xã miền núi và biên giới đều có điện lưới quốc gia và đường bê tông đến trung tâm xã; các chính sách trợ giá, trợ cước, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, đất sản xuất, xóa nhà tạm, nhà dột nát... được triển khai đồng bộ, góp phần giảm dần tỷ lệ hộ nghèo. *Khu vực biển và ven biển* được rà soát, quy hoạch phát triển đô thị, các điểm dân cư, thương mại, dịch vụ, du lịch biển tại những điểm có điều kiện. Đồng thời, đã phê duyệt nhiều đồ án quy hoạch nhằm định hướng phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực biển, ven biển.

2.1.5 - Môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển các thành phần kinh tế

Đã ban hành và triển khai có hiệu quả Chương trình hành động về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các trung tâm phục vụ

hành chính công. Giai đoạn 2020 - 2025, toàn tỉnh thu hút được 778 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký trên 285.200 tỷ đồng. Các thành phần kinh tế trên địa bàn tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, hộ gia đình phát triển khá; kinh tế hợp tác tiếp tục được nâng cao chất lượng, nhiều hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả; giai đoạn 2020 - 2025, có trên 13.700 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn đăng ký trên 123.300 tỷ đồng. Công tác thu hút, kêu gọi phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt được kết quả tích cực, toàn tỉnh hiện có 107 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký khoảng 2,3 tỷ USD, trong đó giai đoạn 2020 - 2025 thu hút được 38 dự án FDI với tổng vốn là 1,75 tỷ USD.

2.2 - Khoa học, công nghệ

Đã ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 - 2025. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống được đẩy mạnh. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025 đạt 39,6%. Đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và nhiều quy định, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn. Tỉnh đã phê duyệt

và triển khai 04 Đề án lớn về khoa học, công nghệ⁽⁹⁾. Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai các dự án công nghệ thông tin, phần mềm, trí tuệ nhân tạo... đã được phê duyệt và thu hút một số dự án mới đầu tư trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

2.3 - Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Các cấp, các ngành đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường. Nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng lên. Quan tâm nâng cao chất lượng môi trường; thực hiện nhất quán chủ trương không thu hút, cấp phép các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Công tác quản lý chất thải, quan trắc, kiểm tra, kiểm soát, giám sát ô nhiễm môi trường được tăng cường; tỷ lệ chất thải rắn đô thị, chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường, đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu được chú

⁽⁹⁾ Đó là: Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025 - 2030; Đề án phát triển giáo dục STEM trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025 - 2030; Đề án thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh; Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng tỉnh. Khu đô thị Khoa học Quy Hòa với nòng cốt là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành được quan tâm đầu tư, tiếp tục trở thành điểm đến tin cậy của các nhà khoa học trong và ngoài nước (đã tổ chức gần 100 sự kiện quốc tế với sự tham dự của 19 nhà khoa học đạt giải Nobel và hơn 7.000 lượt các nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia).

trọng triển khai thực hiện. Lồng ghép các giải pháp giảm tác động của biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển khác của địa phương.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1 - Hoạt động văn hóa, thông tin - truyền thông, thể dục, thể thao

Công tác gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, nhất là bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số được chú trọng; hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch được quan tâm đầu tư; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh. Các sự kiện lễ hội, hoạt động văn hóa được tổ chức đa dạng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân. Thể dục, thể thao tiếp tục phát triển mạnh mẽ cả thể thao phong trào và thể thao thành tích cao. Thiết chế văn hóa - thể thao, thư viện công cộng được đầu tư, hoạt động hiệu quả. Hoạt động báo chí, truyền thông có nhiều đổi mới, hướng mạnh về cơ sở. Việc chuyển đổi số, nhất là trong lĩnh vực thông tin cơ sở và dữ liệu văn hóa được đẩy mạnh; hạ tầng viễn thông được mở rộng, hình thành kết nối chiến lược với hệ thống mạng quốc gia qua cáp quang biển tại Quy Nhơn.

3.2 - Hoạt động giáo dục và đào tạo

Giáo dục và đào tạo được quan tâm phát triển toàn diện. Kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở được duy trì vững chắc; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt kết quả tích cực; tập trung

triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo phát triển cả về chất và lượng, từng bước được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và nhu cầu phát triển của xã hội. Quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học mầm non, phổ thông và các cơ sở dạy nghề tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Các cơ sở giáo dục - đào tạo, dạy nghề trên địa bàn tiếp tục được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh tiếp tục được quan tâm. Hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh; công tác xã hội hóa giáo dục đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học.

3.3 - Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao

Đã ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nghị quyết, chương trình về xây dựng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị có sự chuyển biến tích cực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng. Chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện; kịp thời sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Ưu tiên đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số ngành, lĩnh vực gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.4 - Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19 được thực hiện quyết liệt, hiệu quả, bảo vệ an toàn sức khỏe cộng đồng. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố; duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; năm 2025 đạt 34,7 giường bệnh/vạn dân. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế tiếp tục được đầu tư nâng cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh trong tình hình mới, bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều kỹ thuật chuyên sâu được triển khai tại các bệnh viện tuyến tỉnh. Công tác tiêm chủng mở rộng, chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình được chú trọng; duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm dần. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,6%. Xã hội hóa y tế tiếp tục được thúc đẩy, các cơ sở y tế tư nhân phát triển, góp phần giảm tải cho y tế công lập. Hạ tầng y tế tiếp tục được đầu tư theo Đề án phát triển hệ thống y tế đến năm 2030.

3.5 - Về các vấn đề xã hội

Tập trung giải quyết đồng bộ các vấn đề xã hội gắn với phát triển kinh tế. Đời sống Nhân dân ổn định, có bước cải thiện rõ nét. Công tác giảm nghèo được triển khai quyết liệt,

đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 2,24%⁽¹⁰⁾; hoàn thành công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn vượt kế hoạch đề ra, với 12.520 căn; các dự án nhà ở xã hội được triển khai bảo đảm theo kế hoạch, với 4.427 căn hoàn thành. Chính sách an sinh xã hội, người có công, chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác chăm lo cho trẻ em, người yếu thế và bình đẳng giới tiếp tục được chú trọng. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động đạt kết quả tích cực. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội được quan tâm đẩy mạnh, huy động được nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia chăm lo đời sống người dân.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1 - Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được đặc biệt chú trọng, thực hiện hiệu quả

Kịp thời cụ thể hóa và thực hiện nghiêm nghị quyết của Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân và khu vực phòng thủ vững chắc được chú trọng. Lực lượng vũ trang tỉnh được sắp xếp, tổ chức theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm nâng cao hiệu lực hoạt động, đáp

⁽¹⁰⁾ Toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,53%/năm, đã có 61.305 hộ thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm bình quân 0,99%/năm, đã có 38.672 hộ thoát cận nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân 4,96%/năm, đã có 32.336 hộ dân tộc thiểu số thoát nghèo.

ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương trong tình hình mới; công tác sẵn sàng chiến đấu được nâng cao. Chất lượng huấn luyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được nâng lên. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao. Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Hoạt động phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an, biên phòng ngày càng hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định địa bàn, bảo đảm chủ quyền, an ninh biên giới, biển đảo.

4.2 - An ninh, trật tự được bảo đảm, chính trị - xã hội được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là tại địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác nắm, dự báo tình hình được tăng cường, không để bị động, bất ngờ; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả với các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; đặc biệt đã tích cực tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, trấn áp, xử lý các đối tượng tổ chức phản động FULRO, tà đạo Hà Môn, không để xảy ra các vụ việc phức tạp, “điểm nóng” về dân tộc, tôn giáo. Các đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ được triển khai quyết liệt, đạt kết quả tích cực. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tiếp tục được nâng

cao, hiệu quả; phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm được thực hiện đồng bộ. Công tác tuần tra, kiểm soát biên giới, vùng biển được chú trọng. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được củng cố, gắn kết hiệu quả với công tác an sinh xã hội.

4.3 - Hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh

Hoạt động đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương trong nước, các tổ chức và đối tác quốc tế được đẩy mạnh. Công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân được phối hợp chặt chẽ. Nhiều sự kiện đối ngoại được tổ chức thành công, góp phần quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Các đoàn công tác của tỉnh đi khảo sát, xúc tiến đầu tư tại nhiều quốc gia, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ đã góp phần đẩy nhanh việc triển khai các cam kết, ghi nhớ đầu tư. Các chương trình giao lưu, hợp tác biên giới, kết nghĩa giữa các địa phương biên giới của tỉnh với các địa phương nước bạn Lào, Campuchia được tổ chức định kỳ, góp phần giữ gìn an ninh khu vực và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên. Công tác thông tin, lễ tân và văn hóa đối ngoại được triển khai bài bản, hiệu quả; chất lượng công tác thông tin đối ngoại ngày càng được nâng lên.

*** Nguyên nhân của kết quả đạt được:**

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự lãnh đạo, giúp đỡ, chỉ đạo sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban, bộ, ngành Trung ương; sự đoàn kết, thống nhất

và sự lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của các cấp ủy, tổ chức đảng 2 tỉnh; là kết quả của sự đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; sự tham gia tích cực, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể các cấp trong tỉnh; đặc biệt là tạo được sự đồng thuận, phát huy được tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm và khát vọng vươn lên của Nhân dân 2 tỉnh.

II - HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết ở một số tổ chức đảng chưa sâu rộng, nhất là tuyên truyền trong Nhân dân; việc cụ thể hóa, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện có lúc chưa sát với tình hình của một số địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân có lúc, có nơi chưa thật sâu sát, thiếu kịp thời.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ ở một số nơi có mặt còn hạn chế. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của một số cấp ủy chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với nhiệm vụ được giao. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng ở một số nơi còn chậm; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế. Kết nạp đảng viên mới (tỉnh Bình Định) không đạt Nghị quyết. Việc lãnh đạo,

chỉ đạo thực hiện khắc phục các nội dung vi phạm, khuyết điểm tại thông báo kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ tiến độ còn chậm, nhất là các nội dung liên quan các dự án đầu tư.

Hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ở một số nơi còn chậm đổi mới, thiếu quyết liệt, chưa tạo được đột phá, còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm. Công tác đôn đốc, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn tình trạng chậm trễ, chưa xử lý dứt điểm.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ở cơ sở tuy đã được tăng cường nhưng hiệu quả còn chưa cao; việc phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội ở một số nơi còn chưa rõ nét.

2. Phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường

Kinh tế 2 tỉnh tuy phát triển nhưng chưa bền vững, tốc độ tăng trưởng còn thấp so với tiềm năng, thiếu đột phá, còn 07 chỉ tiêu kinh tế (tỉnh Gia Lai cũ) không đạt Nghị quyết; chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp, dịch vụ còn chậm. Công nghiệp chưa phát triển ổn định, sản phẩm thiếu tính cạnh tranh. Một số chính sách, chương trình triển khai chưa hiệu quả; môi trường kinh doanh còn khó khăn; thiếu các dự án quy mô lớn. Hạ tầng kinh tế - xã hội một số nơi phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi trên địa bàn phía Tây của tỉnh còn khó

khăn. Số lượng doanh nghiệp còn ít, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh hạn chế. Tình trạng lấn chiếm đất đai, khai thác tài nguyên trái phép, ô nhiễm môi trường, phá rừng, vi phạm vùng biển nước ngoài... tuy được tập trung xử lý nhưng vẫn còn tồn tại. Thương mại, dịch vụ ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Du lịch chưa khai thác hết lợi thế, sản phẩm du lịch chưa phong phú, hạ tầng vui chơi - giải trí còn yếu; chất lượng nguồn nhân lực và công tác quảng bá chưa đáp ứng yêu cầu. Ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống hiệu quả chưa cao; hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo chưa có sự đột phá. Nguồn nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo còn thiếu. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh còn nhiều hạn chế.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Có 02 chỉ tiêu xã hội (tỉnh Gia Lai cũ)⁽¹⁾ không đạt Nghị quyết. Cơ sở giáo dục một số nơi còn thiếu thiết bị phù hợp chương trình mới. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội vẫn còn những tồn tại, bất cập; chất lượng giáo dục và đào tạo một số nơi chưa đáp ứng tốt yêu cầu; cơ sở và trang thiết bị y tế ở một số nơi còn thiếu. Thị trường lao động phát triển chậm, chất lượng việc làm thấp; kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và nguy cơ tái nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

⁽¹⁾ (1) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (2) Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng, quân sự địa phương, biên phòng có lúc chưa kịp thời. Tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, quản lý đối tượng có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, để một số đối tượng trong tỉnh nhận chỉ đạo từ bên ngoài hoạt động phục hồi FULRO, “Tin lành Đê Ga”. Một số loại tội phạm xâm phạm trật tự xã hội diễn biến phức tạp; việc giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại kéo dài chưa dứt điểm. Tiến độ điều tra, xử lý một số vụ án tham nhũng, tiêu cực còn chậm; tỷ lệ thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng còn thấp. Công tác hợp tác quốc tế tuy có chuyển biến nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

*** Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm:**

- Nguyên nhân khách quan:

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh chịu những tác động tiêu cực, nguy hiểm, chưa có tiền lệ của đại dịch Covid-19 và những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới đã tác động mạnh đến kinh tế - xã hội của 2 tỉnh. Xuất phát điểm nền kinh tế của 2 tỉnh thấp, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn 2 tỉnh có quy mô nhỏ, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá nhằm thúc đẩy kinh tế của 2 tỉnh phát triển nhanh. Hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, hiện đại. Nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, thu ngân sách còn thấp nên ảnh hưởng

đến chi đầu tư phát triển. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa; những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan:

Nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, một số cơ quan, tổ chức còn hạn chế; các giải pháp thực hiện và sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có nơi, có lúc chưa đồng bộ, thiếu quyết liệt và kịp thời. Tinh thần trách nhiệm, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn nhân lực có tay nghề và chất lượng cao còn hạn chế; phân bổ nguồn nhân lực giữa các ngành, vùng, địa phương chưa hợp lý.

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ 2 tỉnh, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều điểm sáng nổi bật, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Nền kinh tế của 2 tỉnh tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; quốc phòng,

an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh; hệ thống chính trị được sắp xếp, tinh gọn; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được củng cố, nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân được xây dựng vững chắc.

2. Bài học kinh nghiệm

2.1 - Kiên định, vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm vững, nghiêm túc chấp hành và cụ thể hóa kịp thời, hiệu quả đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của cấp ủy và các quy định, quyết định của chính quyền các cấp; đồng thời coi trọng công tác tổng kết thực tiễn.

2.2 - Đặc biệt quan tâm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện; luôn giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, trước hết là trong cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng.

2.3 - Không ngừng đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện

các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, kịp thời phát hiện và quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở để huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp chung” đi đôi với giữ vững kỷ cương.

2.4 - Tập trung huy động nội lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đồng thời chủ động, tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và nguồn lực bên ngoài trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Luôn coi trọng phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

2.5 - Tăng cường và giữ vững sự đồng thuận xã hội; xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”, mọi chủ trương, đường lối, chính sách đều phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc.

Phần thứ hai
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ
VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I - BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp chưa từng có; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, tuy nhiên cạnh tranh chiến lược, xung đột diễn ra dưới những hình thức mới và gay gắt hơn, không loại trừ nguy cơ chiến tranh lan rộng. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghiệp trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, rô bốt, internet vạn vật, chuyển đổi số, cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang là hai xu thế lớn, chi phối sâu sắc tiến trình phát triển; chủ nghĩa bảo hộ, áp đặt chính sách thuế quan, nguy cơ chiến tranh thương mại đã và đang tác động tiêu cực đến kinh tế thế giới và nước ta. Xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng ngày càng được các nước quan tâm, thúc đẩy.

Bối cảnh trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới... Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cùng với những quyết sách chiến lược: Đổi mới, xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế... đang tạo cơ hội lịch

sử, bước ngoặt cho sự phát triển đột phá của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, trong 5 năm tới, đất nước ta sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra đã từng bước khắc phục, song có mặt còn diễn biến phức tạp. Nguy cơ bao trùm là nguy cơ tụt hậu, nhất là về công nghệ và rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Tư duy phát triển chưa theo kịp các xu thế phát triển của thế giới. Quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh hơn so với dự báo. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt. Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên một số lĩnh vực vẫn còn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng. Các thế lực thù địch, phản động tiếp tục thực hiện nhiều thủ đoạn, âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Công cuộc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và chế độ, bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trên không gian mạng, an ninh nguồn nước còn nhiều thách thức.

Đối với tỉnh Gia Lai mới, dư địa phát triển của tỉnh sau sáp nhập rất lớn, không chỉ mở rộng quy mô về diện tích và dân số, mà còn là sự cộng hưởng, bổ trợ trên tất cả các lĩnh vực, thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập sâu vào chuỗi giá trị quốc gia và toàn cầu. Tỉnh vừa có thế mạnh về nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, vừa có lợi thế với phát triển công nghiệp, dịch vụ, cảng biển và hạ tầng logistics..., mở ra tiềm năng phát triển toàn diện từ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch. Đồng thời, những thành quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo

đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của 2 tỉnh Bình Định và Gia Lai (cũ) là tài sản, nguồn lực to lớn cho sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

Tuy nhiên, tỉnh tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Kinh tế phát triển chưa bền vững; khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền còn lớn; nguồn nội lực còn hạn chế; tác động khó lường của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, tỉnh Gia Lai mới với diện tích lớn thứ 2 cả nước, với địa hình đa dạng, trải dài từ Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến Cảng Quy Nhơn, sẽ đặt ra nhiều khó khăn cho công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, quân và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh kế thừa những thành quả đạt được, tập trung phát huy lợi thế, nắm bắt thời cơ mới, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2025 - 2030.

II - QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng, bảo đảm phát triển để ổn định và ổn định để phát triển nhanh, bền vững, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tỉnh phát triển bứt phá và bền vững; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

3. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền; khơi thông và giải phóng các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển các vùng một cách đồng bộ, hợp lý, hài hòa, từng bước thu hẹp sự khác biệt. Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, nêu cao tinh thần sáng tạo, khát vọng vươn lên, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển; đột phá mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có chính sách đặc thù, vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh.

4. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh. Lấy phát triển kinh tế - xã hội để duy trì ổn định quốc phòng, an ninh và ổn định quốc phòng, an ninh để phát triển kinh tế - xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

5. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; trong đó, đặc biệt coi trọng giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất. Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; năng lực quản lý, quản trị phát triển của bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

III - MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội; phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý chí, khát vọng vươn lên; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tư nhân; xây dựng tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI); phấn đấu đưa Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1 - Các chỉ tiêu kinh tế

Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) giai đoạn 2025 - 2030 phấn đấu đạt 10 - 10,5%/năm (giá so sánh 2010), trong đó, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,8 - 4%, công nghiệp - xây dựng tăng 13,5 - 14,5% (công nghiệp tăng

13,5 - 14,5%, xây dựng tăng 13,5 - 14,5%), dịch vụ tăng 10,5 - 11%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 10 - 10,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 6.300 - 6.500 USD. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 19,5 - 20%; công nghiệp - xây dựng chiếm 36 - 36,5%; dịch vụ chiếm 40 - 41%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,2%. Đến năm 2030, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt trên 41.000 tỷ đồng. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 17 tỷ USD. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bình quân giai đoạn 2025 - 2030 đạt 32,2%/GRDP. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế từ 50% trở lên. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP từ 25 - 30%. Đến năm 2030, phấn đấu đón 18,5 triệu lượt khách du lịch; trong đó có 1,1 triệu lượt khách quốc tế. Đến năm 2030, có 20 doanh nghiệp/ngày dân.

2.2 - Các chỉ tiêu xã hội

Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2025 - 2030 của tỉnh tối thiểu bằng mức bình quân chung của cả nước theo mục tiêu thực hiện Chương trình giai đoạn 2025 - 2030 của Trung ương. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75,2%. Tỷ lệ trưởng được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt ít nhất 80,5%. Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; 100% số xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Giảm tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức bình quân chung cả nước. Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động đạt trên 35,6%. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đạt 98%. Duy trì vững

chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn dưới 16,9%; đến năm 2030, phấn đấu đạt 10,5 bác sĩ/vạn dân và 36,4 giường bệnh/vạn dân. Số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành trên 11.800 căn.

2.3 - Các chỉ tiêu về môi trường

Tỷ lệ che phủ rừng trên 46,5%. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8%; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch (từ công trình cấp nước tập trung) đạt tối thiểu 67,5%. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 91,3%. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn được thu gom, xử lý đạt 80%. Duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế và 98% chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường.

2.4 - Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng

Hàng năm, có từ 90% tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hàng năm đạt từ 3% trở lên so với tổng số đảng viên.

IV - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1 - Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ và chất lượng đội ngũ đảng viên

1.1.1 - Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng; xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức

a) Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng

Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới, các chủ trương, nghị quyết của Đảng phù hợp với thực tiễn địa phương. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp công tác chính trị, tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nắm bắt, giải quyết kịp thời tình hình, diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, định hướng chính xác, kịp thời các vấn đề tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong Nhân dân.

Tiếp tục đổi mới, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, của quê hương trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; kiên quyết khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống “diễn biến hòa bình”. Phát huy tốt vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nâng cao nhận thức, trình độ, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên; xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn theo quy định. Chú trọng bồi dưỡng ý thức giác ngộ chính trị, lý tưởng, truyền thống cách mạng cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

b) Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên về vai trò đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Triển khai và thực hiện nghiêm các quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nêu gương.

Kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

c) Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu

quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác dân vận; đẩy mạnh phong trào “Dân vận khéo”; tiếp tục quan tâm, thực hiện hiệu quả, kịp thời công tác dân tộc, công tác tôn giáo trên địa bàn, nắm chắc tình hình Nhân dân, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm những “điểm nóng”, vụ việc phức tạp. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động Nhân dân. Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc Nhân dân tham gia giám sát, phản biện, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhất là từ cơ sở.

1.1.2 - Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ

a) Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nêu cao trách nhiệm, quyết tâm thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tăng cường hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, thực hiện việc tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tốt công tác tư tưởng và giải quyết kịp thời chế độ, chính sách

đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đánh giá, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

b) Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với thực tiễn. Thường xuyên kiện toàn cấp ủy, củng cố các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm vai trò hạt nhân chính trị và lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; đổi mới công tác đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hằng năm. Triển khai thực hiện hiệu quả Sổ tay đảng viên điện tử. Đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên bảo đảm số lượng và chất lượng, chú trọng phát triển đảng viên trong đoàn viên thanh niên, học sinh, sinh viên, dân quân tự vệ, dự bị động viên, công nhân lao động, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý đảng viên, chú trọng quản lý đảng viên đi làm ăn xa; kịp thời rà soát, phát hiện, giáo dục, sàng lọc, xử lý đảng viên vi phạm, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

c) Đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá trong công tác cán bộ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngang tầm với nhiệm vụ theo cơ cấu tổ chức mới, nhất là đội ngũ cán bộ

chủ chốt các cấp. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, bảo đảm thực hiện thống nhất nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kịp thời phát hiện xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Chú trọng đổi mới phương pháp đánh giá và cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá, nhận xét cán bộ. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ khoa học, công nghệ, cán bộ là người dân tộc thiểu số đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Thực hiện tốt việc thí điểm một số chủ trương, giải pháp đổi mới, đột phá trong công tác cán bộ. Kiên quyết không để lọt vào cấp ủy những người không đủ tiêu chuẩn, giảm sút uy tín, phẩm chất, đạo đức, đùn đẩy trách nhiệm, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; phòng, chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay, bảo đảm đoàn kết, nhất trí và sự trong sạch, vững mạnh của Đảng; tăng cường công tác bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước.

1.1.3 - Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn của

Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Tăng cường nắm bắt tình hình, tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát, xác minh việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên theo quy định. Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện các kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, của Thanh tra Chính phủ.

Đổi mới tư duy, phương pháp, cách thức triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, cảnh báo vi phạm, từ bị động sang chủ động; chú trọng nâng cao chất lượng công tác hậu kiểm, theo dõi, đôn đốc thực hiện và khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế, vi phạm sau kết luận kiểm tra, giám sát.

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.

1.1.4 - Tăng cường công tác nội chính, cải cách tư pháp; kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về những chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý sai phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Tập trung củng cố, xây dựng các cơ quan tư pháp bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, thực hiện nghiêm quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức xây dựng văn hóa liêm chính, thực hiện phương châm “4 không”⁽¹²⁾ trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát người đứng đầu thực hiện trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; triển khai quyết liệt, thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Kiên

⁽¹²⁾ “Không muốn”, “không thể”, “không dám”, “không cần”.

quyết xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, hạn chế khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, vượt cấp, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

1.1.5 - Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Đổi mới việc ban hành, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết sát với tình hình thực tiễn và có tính khả thi cao. Chăm lo xây dựng, củng cố và phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng bộ.

1.2 - Nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền số, xã hội số

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ

Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trọng tâm là quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá”; tập trung nâng cao chất lượng ban hành, thể chế hóa văn bản quy phạm pháp luật thành các cơ chế, chính sách hiệu quả trên mọi lĩnh vực. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi pháp luật; bảo đảm pháp luật được thi hành nghiêm minh, thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, chuyển mô hình quản trị từ quản lý sang kiến tạo và phục vụ người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; bảo đảm môi trường pháp lý thông thoáng, minh bạch, an toàn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh để Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số thấy được sự đổi mới sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước cho các ngành, địa phương. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao năng lực tự chủ, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tinh thông nghiệp vụ. Chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn nghiệp vụ cấp xã sau sắp xếp; tăng cường bồi dưỡng,

đào tạo lại theo hướng đa nhiệm vụ, phù hợp với mô hình tổ chức mới. Chú trọng công tác chuyển đổi số trong công tác cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; không ngừng nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS), dịch vụ công mức độ 4; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm để thực hiện tốt quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.3 - Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân

Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy hạnh phúc và hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể trong thực hiện công tác dân vận. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; nắm bắt và giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng, các kiến nghị chính đáng của Nhân dân.

Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng, củng cố, phát huy đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” và cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, thông qua đó phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tại cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng phong cách công tác “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, sâu sát cơ sở”, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, góp sức xây dựng tỉnh nhà ngày càng giàu đẹp, đời sống của Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

2.1 - Phát triển kinh tế

Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững; cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số; phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; đẩy mạnh

hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển. Chú trọng đầu tư, tạo chuyển biến rõ nét về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ), nhất là khu vực miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.1.1 - Phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, hướng tới tăng trưởng xanh

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Ngành chế biến, chế tạo trở thành trụ đỡ của nền kinh tế; công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những lĩnh vực đột phá, góp phần đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp số của vùng. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn - an ninh mạng; Đề án xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung với hạ tầng đồng bộ, định hướng phát triển thành hạt nhân của hệ sinh thái công nghệ số, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chú trọng thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác và nguồn năng lượng mới (hydrogen/amoniac xanh...). Đồng thời, thu hút các dự

án sản xuất thép quy mô lớn, đóng tàu, hóa dầu, sản xuất thiết bị phụ trợ điện gió có công nghệ tiên tiến; tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước.

Đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, tăng tỷ lệ lấp đầy trong các khu kinh tế, khu công nghiệp hiện hữu, nhất là Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, Khu công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - VSIP Bình Định. Đầu tư xây dựng mới một số khu công nghiệp trọng điểm như: Phù Mỹ, Hoài Mỹ, Cát Trinh, Bình Nghi, Trà Đa, Nam Pleiku, Đak Đoa, khu vực Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh...; hình thành vành đai công nghiệp Vân Canh - An Nhơn - Phù Cát, phát triển Khu công nghiệp điện tử, bán dẫn Hòa Hội và Khu công nghiệp Cát Trinh gắn với đô thị sân bay Phù Cát và dọc cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; phát triển hành lang công nghiệp dọc đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 25. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đồng bộ các cụm công nghiệp hiện có, phát triển các cụm công nghiệp mới theo quy hoạch.

2.1.2 - Nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển toàn diện sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai

Phát triển nông nghiệp sinh thái, xanh, thân thiện môi trường, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến nông, lâm, thủy sản. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp và các

thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Khai thác có hiệu quả lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, đồi núi thấp, đa dạng về điều kiện khí hậu để hình thành vùng nguyên liệu, vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có thương hiệu của tỉnh (cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, chanh dây, mía, sắn, lạc, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi bò sữa...). Xây dựng thương hiệu nông sản, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch và chuỗi giá trị nông nghiệp gắn với ứng dụng thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc. Hình thành trung tâm chế biến nông, lâm, thủy sản xuất khẩu gắn với các trung tâm dịch vụ logistics và chế biến xuất khẩu nông sản của tỉnh và khu vực. Đến năm 2030, phấn đấu đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm sản của vùng và khu vực các nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao; phát triển nuôi trồng hải sản trên biển quy mô lớn, công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ; thực hiện hiệu quả các giải pháp về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định. Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm công nghệ cao⁽¹³⁾, chế biến hải sản xuất khẩu.

⁽¹³⁾ Đầu tư phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất tôm xã An Lương.

Hình thành các cụm liên kết ngành dựa trên hệ sinh thái phát triển lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế quan trọng và có sức cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phục hồi hành lang đa dạng sinh học, xây dựng chuỗi công nghiệp - nông nghiệp; thực hiện các cam kết thúc đẩy nền kinh tế carbon thấp. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển kinh tế dưới tán rừng, bảo đảm an ninh nguồn nước, tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, nhất là hình thành bể chứa carbon khu vực và hướng tới thị trường quốc tế tiềm năng. Phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng theo hướng phát triển bền vững, đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản. Phát triển các cụm công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản công nghệ cao gắn với các vùng trồng rừng tập trung.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, giữa nông thôn với thành thị. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, làng. Chủ động và đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP.

Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho thu hút đầu tư, phát triển đồng bộ với thúc đẩy đô thị hóa bền vững. Hoàn thành các quy hoạch chung, quy hoạch vùng, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất giai

đoạn 2026 - 2030; tiếp tục đẩy mạnh số hóa dữ liệu đất đai; rà soát quỹ đất của các doanh nghiệp, nông, lâm trường trên địa bàn.

2.1.3 - Nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ, đẩy mạnh xuất khẩu, thu ngân sách; phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Hình thành và phát triển khu thương mại tự do gắn liền với khu công nghiệp và khu bến cảng Phù Mỹ, góp phần đưa Gia Lai tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và tạo đột phá trong phát triển kinh tế. Phát triển dịch vụ theo hướng đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm văn hóa, du lịch, vận tải biển, ứng dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Gắn phát triển dịch vụ với chuyển đổi số, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; ưu tiên phát triển dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ số, bưu chính; phát triển mạnh các dịch vụ giá trị gia tăng cao (vận tải, logistics, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm). Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa các dịch vụ thiết yếu như thương mại, bán buôn, bán lẻ; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, việc làm, môi trường... theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xanh, bền vững; đưa Gia Lai trở thành điểm đến du lịch đẳng cấp với các sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, hồ tự nhiên, di sản văn hóa Tây Nguyên và văn hóa, lịch sử Bình Định gắn với phong trào Tây Sơn... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, các địa danh lịch sử,

du lịch, khảo cổ học⁽¹⁴⁾. Hình thành cụm liên ngành du lịch - thể thao - sức khỏe; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường liên kết không gian du lịch vùng, các tỉnh, thành phố liền kề và các quốc gia lân cận. Xây dựng khu Phương Mai - Núi Bà, khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya trở thành khu du lịch quốc gia; khai thác du lịch theo tuyến giao thông An Khê - đường Đông Trường Sơn - Quốc lộ 24 - Măng Đen (Quảng Ngãi)...

Phát triển cảng - logistics bao gồm cảng biển Quy Nhơn, các cảng biển thuộc khu bến cảng Hoài Nhơn, Phù Mỹ, ga đường sắt Diêu Trì và các ga đường sắt tốc độ cao, Cảng hàng không Phù Cát, Pleiku, hệ thống cảng cạn dọc theo cao tốc Bắc - Nam, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, Quốc lộ 19... Quy hoạch xây dựng trung tâm logistics mới có công suất khoảng 500.000 TEU tại Phù Cát. Phát triển Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là mắt xích (HUB) logistics, văn hóa, du lịch quan trọng trên hành lang xuyên Á Đông - Tây cửa ngõ kết nối vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu, nhất là nhóm hàng xuất khẩu có lợi thế. Chú trọng thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách; phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt mục tiêu đề

⁽¹⁴⁾ Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên; các lễ hội văn hóa truyền thống; trang phục thổ cẩm của đồng bào dân tộc thiểu số Bahnar, Jrai; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng; các di tích quốc gia đặc biệt (Tây Sơn Thượng Đạo, Rộc Tung - Gò Đá, Di tích thắng cảnh Biển Hồ, Núi lửa Chư Đăng Ya...).

ra. Quản lý chặt chẽ chi ngân sách, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

2.1.4 - Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội

Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng dữ liệu lớn (Big Data), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo đột phá trong thực hiện dịch vụ công và thực thi công vụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ công.

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Trọng tâm là thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể phát triển thành doanh nghiệp; chú trọng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, doanh nghiệp trong các ngành có tiềm năng, thế mạnh của địa phương; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội kinh doanh giữa các thành phần kinh tế; thúc đẩy hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, mở rộng sản xuất và kết nối thị trường. Đồng thời, quan tâm thực hiện các giải pháp để phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế hộ; tăng cường hoạt động xúc tiến

đầu tư, chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên thu hút các dự án đầu tư công nghệ cao, sạch, giá trị gia tăng lớn.

2.1.5 - Hoàn thiện hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển

Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, liên kết, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Coi trọng xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng dịch vụ - du lịch, văn hóa - xã hội, công nghệ thông tin. Tập trung nguồn lực đầu tư một số công trình trọng điểm: Xây dựng hệ thống đường tỉnh kết nối (Vĩnh Thanh - Kbang, Vân Canh - Kông Chro...), các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ đến các khu kinh tế, khu du lịch, dịch vụ trọng điểm, đường vào khu, cụm công nghiệp; tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên, nâng cấp ga Diêu Trì và ga Bồng Sơn thành ga tổng hợp, xây dựng mới 02 ga hàng hóa đường sắt tại khu vực xã Tuy Phước và xã Vân Canh phục vụ vận chuyển hàng hóa cho cảng Quy Nhơn, Khu kinh tế Nhơn Hội và các trung tâm logistics; đầu tư mới nhà ga, mở rộng sân đỗ, xây dựng thêm đường cất hạ cánh số 2 và các đường lăn phù hợp với quy hoạch Cảng hàng không Phù Cát, Cảng hàng không Pleiku; nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các bến cảng thuộc các khu bến Quy Nhơn - Thị Nại - Đống Đa; khu bến Nhơn Hội; khu bến cảng Phù Mỹ, Hoài Mỹ; đầu tư hệ thống cảng cạn theo quy hoạch, các cụm cảng, bến thủy nội địa; đầu tư cầu Thị Nại 2; hoàn thành tuyến đường ven biển tiếp nối tỉnh

Quảng Ngãi; đầu tư xây dựng mới Trung tâm hành chính tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội; đầu tư nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị sau sắp xếp.

Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên mới, nhất là hạ tầng hàng không, đường sắt, đường bộ và cảng biển; tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương hoàn thành xây dựng tuyến cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh; tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; đặc biệt dự án tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD), khai thác hiệu quả không gian ngầm. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu⁽¹⁵⁾; nhất là đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa nước và hệ thống kênh mương bảo đảm nhu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp tập trung, nhất là các vùng chuyên canh cây công nghiệp. Quan tâm đầu tư hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; các dự án cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Phát triển hạ tầng năng lượng gắn với từng bước đầu tư các trung tâm tích trữ điện, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao. Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng bền vững và chế biến thủy sản. Quan tâm phát triển hạ tầng đô thị

⁽¹⁵⁾ Phát triển thành 06 vùng cấp nước thủy lợi: Nam Bắc An Khê và vùng phụ cận, vùng thượng Ayun, Ayun Pa, Krông Pa, Đông - Tây Pleiku, Ia Mờ - Ia Lốp.

đồng bộ, hiện đại, thông minh. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư hạ tầng số đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng y tế, giáo dục và văn hóa xã hội⁽¹⁶⁾.

2.1.6 - Tăng cường liên kết giữa các địa phương, các khu vực trong tỉnh, vùng và cả nước

Triển khai xây dựng và thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai (mới) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 mang tính tích hợp, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khắc phục hạn chế, kiến tạo không gian phát triển mới.

* Định hướng phát triển vùng trong thời gian tới:

- Khu vực đô thị: Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị đi trước một bước và tạo ra nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị. Giảm thiểu quá trình đô thị hóa lan tỏa, thiếu kiểm soát; phát triển đô thị theo hướng đô thị nén - đô thị sinh thái. Quy hoạch, khai thác hiệu quả không gian ngầm. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân.

- Khu vực cao nguyên và đồng bằng: Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao trình độ sản xuất nông nghiệp.

⁽¹⁶⁾ Huy động nguồn lực để đầu tư một số dự án như: Bảo tàng tỉnh Bình Định, Nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên), Nâng cấp mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định (giai đoạn 2)... Phát triển Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh trở thành bệnh viện đa khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng của vùng Nam Trung Bộ.

Phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng hiện đại, phù hợp. Nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần người dân nông thôn theo hướng nông dân giàu có, văn minh. Đẩy mạnh xây dựng các khu đô thị, khu dân cư theo quy hoạch. Xây dựng một số mô hình làng nghề truyền thống, khôi phục các làng nghề và các khu sinh hoạt cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc để thu hút du khách, phát triển các khu du lịch cộng đồng.

- Khu vực miền núi và biên giới: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, nhất là địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ). Chú trọng huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là tại các làng xa trung tâm xã. Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển diện tích rừng trồng gỗ lớn; phát triển chăn nuôi. Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Chú trọng chăm lo đời sống đồng bào và công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tuyến núi.

- Khu vực biển và ven biển: Phát huy lợi thế biển, xác định ven biển là vùng động lực tạo đột phá cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Phát triển đột phá các ngành du lịch và dịch vụ biển; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế mới. Tiếp tục đầu tư phát triển hành lang giao thông

đường bộ ven biển, đô thị ven biển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng làm cơ sở phát triển các hoạt động kinh tế biển... Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển; kiểm soát chặt chẽ khai thác tài nguyên biển.

- Khu vực cửa khẩu: Phát triển Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là đầu mối kết nối hàng hóa, du lịch, dựa trên các dịch vụ về thương mại, du lịch cửa khẩu, logistics, kho bãi, sản xuất nông cụ, chế biến nông, lâm sản và trao đổi văn hóa, triển lãm quốc tế.

Đẩy mạnh phối hợp với các tỉnh, thành phố xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thông thoáng, hỗ trợ và khuyến khích liên kết, hợp tác, nhất là các chương trình xúc tiến đầu tư; hợp tác, phát triển thương mại, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp, xây dựng các công trình liên tỉnh, liên vùng...

2.2 - Phát triển khoa học, công nghệ

2.2.1 - Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo làm động lực tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

trở thành động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trọng tâm là đổi mới căn bản quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, tháo gỡ nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là đổi mới cơ chế tài chính, cơ chế tự chủ, tạo thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư cho phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ; phát triển đồng bộ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện các cơ quan trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và đời sống xã hội; xây dựng cơ sở hạ tầng số hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; chú trọng phát triển nguồn nhân lực số và nâng cao năng lực số của người dân. Thúc đẩy nhanh quá trình tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, đổi mới sáng tạo.

Xây dựng Gia Lai trở thành điểm đến ngày càng hấp dẫn của các doanh nghiệp khoa học, công nghệ, các nhà khoa học trong nước và quốc tế, trung tâm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng; tiếp tục phát huy vai trò của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) trong việc kết nối các nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng, phát triển và phát huy hiệu quả của Khu đô thị khoa học Quy Hòa. Xây dựng nền tảng dữ liệu liên thông để khai thác hiệu quả nguồn lực sau hợp nhất. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data)

cho các ngành kinh tế trụ cột, gắn với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác.

Hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, các viện nghiên cứu vật lý và thiên văn học theo Chiến lược phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ. Phát huy vai trò của Trung tâm Khám phá khoa học và đổi mới sáng tạo trong việc tăng cường đổi mới sáng tạo trong hoạt động của doanh nghiệp. Phát triển hạ tầng dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Triển khai các chương trình, giải pháp kết nối hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh gắn với nhu cầu đổi mới, ứng dụng và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp.

2.2.2 - Đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số

Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh phát triển đồng bộ chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Tập trung triển khai thực hiện ba trụ cột quan trọng: Hoàn thiện hạ tầng số, phát triển công nghiệp công nghệ số và xây dựng chính quyền số thông minh, hướng tới mục tiêu đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước; quan tâm đầu tư hạ tầng số tại cấp xã khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp; ứng dụng trợ lý ảo cho doanh nghiệp và người dân. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số.

Bảo đảm hạ tầng băng thông rộng đến trung tâm các xã; hoàn thành việc phủ sóng 4G trên địa bàn. Đồng thời, tập trung triển khai mạng 5G, phân đấu vào nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Hạ tầng số được nâng cấp đồng bộ, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số.

Tập trung thu hút đầu tư, triển khai các dự án, đề án trọng điểm về công nghệ số⁽¹⁷⁾ để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; phân đấu đến năm 2030, từng bước đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực. Tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, thúc đẩy việc khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, nhằm hỗ trợ hiệu quả quá trình ra quyết định trong quản lý và điều hành. Phát triển các hệ thống hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, nâng cao hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp. Đặc biệt, đẩy mạnh triển khai các đô thị thông minh.

2.3 - Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu định hướng đến năm 2030 về bảo vệ môi trường. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải; phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý, tái chế chất thải. Giảm thiểu ô nhiễm chất thải nhựa. Cải thiện ô nhiễm môi trường ở các khu đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn; tham gia hiệu quả thị trường carbon

⁽¹⁷⁾ Đặc biệt là lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn - an ninh mạng và trung tâm dữ liệu.

trong nước; kiên quyết không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Tổ chức thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường và thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp thuận lợi trong công tác lập hồ sơ môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Thành lập mới và nâng mức độ bảo tồn đối với các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường việc lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

3.1 - Phát triển văn hóa, con người, thể dục, thể thao, báo chí

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 156-KL/TW, ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực

hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW. Phát triển văn hóa, xã hội, gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế. Triển khai hiệu quả hệ giá trị quốc gia⁽¹⁸⁾, hệ giá trị văn hóa⁽¹⁹⁾, hệ giá trị gia đình⁽²⁰⁾ và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới⁽²¹⁾. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thay đổi hành vi, thói quen, lối sống theo hướng văn minh. Phát triển văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân, xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào truyền thống quê hương, khát vọng xây dựng tỉnh Gia Lai giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc.

Tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hóa, thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Quan tâm đầu tư tu bổ, bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa tiêu biểu. Phát huy giá trị văn hóa truyền thống như văn hóa phi vật thể, lễ hội và nghệ thuật trình diễn dân gian, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và phát triển văn hóa. Tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hóa trong nước và quốc tế, kết hợp tổ chức các sự kiện văn hóa mang tầm quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hóa,

⁽¹⁸⁾ Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

⁽¹⁹⁾ Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học.

⁽²⁰⁾ Tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.

⁽²¹⁾ Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.

ứng dụng công nghệ tiên tiến. Xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật xứng tầm với lịch sử văn hóa vùng đất và con người Gia Lai.

Nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các tầng lớp Nhân dân; chú trọng giữ gìn và phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; ưu tiên phát triển một số bộ môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của tỉnh kết hợp với xây dựng hệ thống các sân, bãi tập, trung tâm huấn luyện và nhà thi đấu đa năng đạt chuẩn phục vụ luyện tập, thi đấu. Phát triển Trung tâm thể thao Hàm Rồng. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, hiện đại hóa, số hóa; nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin, truyền thông, nhất là internet, mạng xã hội để định hướng tư tưởng, dư luận xã hội.

3.2 - Phát triển giáo dục - đào tạo, dạy nghề; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao

3.2.1 - Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp học trong hệ thống giáo dục của tỉnh theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị đồng bộ, phục vụ nhu cầu ngày

càng cao của các cấp học. Chú trọng phát triển giáo dục tại các vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đào tạo, nâng cao chất lượng, bảo đảm cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên, thiếu trường, lớp. Chú trọng phát triển giáo dục phổ thông, đặc biệt là giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học. Quan tâm tôn vinh, đãi ngộ thích hợp đối với đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học và cán bộ quản lý giáo dục. Tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật, toán học và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực và phẩm chất người học, chuẩn hóa chất lượng đầu ra. Tăng cường định hướng nghề nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông. Đối với Trường Đại học Quy Nhơn, tiếp tục phát huy thế mạnh của Khoa Toán, đồng thời xây dựng một số khoa có sự tiến bộ vượt trội phù hợp với nhu cầu lao động của tỉnh, khu vực và khả năng của Trường; mở Khoa Y khi có đủ điều kiện.

Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề theo hướng gắn kết giữa nhu cầu của người học, của nhà trường, người sử dụng lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ; tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu trên cả nước nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, hướng tới bảo đảm cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Đẩy mạnh xây dựng mô hình xã hội học tập, phong trào học tập suốt đời theo hướng đa dạng hóa, phù hợp với các đối tượng, từng địa phương. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở; hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số; hỗ trợ những người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời.

3.2.2 - Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, lao động có tay nghề cao

Tiếp tục hoàn thiện, triển khai thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn với dài hạn, giữa trong nước và ngoài nước. Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số để phát triển kinh tế số, xã hội số. Tiếp tục đẩy mạnh thu hút các chuyên gia đầu ngành trong nước và nước ngoài theo các ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung một số lĩnh vực: khoa học, công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao.

3.3 - Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới thực hiện bao phủ chăm

sức sức khỏe toàn dân. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở, hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu, bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu, chất lượng cao. Xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh ngang tầm cả nước. Hình thành trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe tại khu vực phía Bắc thành phố Pleiku (cũ) gắn với các dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng tạo thành một quần thể đáp ứng nhu cầu chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái, quy mô khoảng 100 ha. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ trong khám bệnh, chữa bệnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong ngành y tế, hình thành hệ thống y tế thông minh. Bố trí hợp lý nguồn nhân lực y tế ở các tuyến; thu hút, đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao. Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng; dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các loại dịch bệnh. Phát triển toàn diện y dược học cổ truyền; tăng cường kết hợp quân dân y, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển nhằm nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tâm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần; thực hiện hiệu quả các chính sách về dân số, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

3.4 - Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân, giảm nghèo bền vững

Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo

hướng giảm mạnh lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề theo định hướng phát triển của tỉnh. Hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công tác dự báo, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số. Nâng cao chất lượng việc làm, bảo đảm việc làm bền vững.

Triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc làm sau đào tạo, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp. Tiếp tục tập trung chỉ đạo giảm tỷ lệ hộ nghèo, tình trạng tái nghèo, nhất là tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.5 - Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Mở rộng và phát triển toàn diện các lĩnh vực an sinh xã hội. Thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người theo hướng bao trùm, công bằng, bền vững; ưu tiên các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế và đối tượng trong khu vực phi chính thức, “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội và phát triển đa dạng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản. Phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ, cân bằng với phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc xã hội đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng của người dân.

Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Chú trọng nâng cao đời sống đối với người có công, đồng bào dân tộc

thiếu số, đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phát triển thanh niên; chăm sóc, bảo vệ người già và trẻ em. Phấn đấu đầu tư xây dựng hơn 11.800 căn hộ nhà ở xã hội theo Đề án của Chính phủ về xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1 - Tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò tham mưu của ban ngành, đoàn thể trong xây dựng, hoạt động của khu vực phòng thủ; thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương. Huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại. Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; tham gia xử lý có hiệu quả các tình huống quốc phòng, an ninh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và phòng thủ dân sự; đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, chính sách hậu phương quân đội và công tác đối ngoại quốc phòng.

Tăng cường xây dựng lực lượng công an nhân dân trong tỉnh vững mạnh toàn diện; chủ động nắm chắc địa bàn, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và chủ quyền biên giới; bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, an ninh con người, an ninh thông tin, an ninh mạng. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, trấn áp, xử lý các đối tượng tổ chức phản động FULRO, tà đạo Hà Mòn, không để xảy ra các vụ việc phức tạp, “điểm nóng” về dân tộc, tôn giáo. Tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tấn công trấn áp kịp thời các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, công nghệ cao, lừa đảo, giữ vững ổn định, bình yên cho Nhân dân và tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ gắn với xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, phản động; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

4.2 - Củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới có ý nghĩa đặc biệt đối với tỉnh vừa có biên giới quốc tế, vừa là cửa ngõ từ cao nguyên xuống Duyên hải miền Trung; đồng thời tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030. Xác định hội nhập quốc tế là một trong những động lực quan trọng để phát triển nhanh và bền vững; chủ động định vị tỉnh trong chuỗi giá trị vùng, quốc gia và khu vực; thúc đẩy xây dựng hạ tầng kết nối, dịch vụ logistics xuyên biên giới, du lịch quốc tế và thương mại vùng cửa khẩu. Mở rộng quan hệ đối ngoại, tích cực tham gia các chương trình, dự án quốc tế trong các lĩnh vực thế mạnh, ưu tiên; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, khai thác hiệu quả và nâng cao năng lực thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các cam kết, thỏa thuận quốc tế và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Duy trì và đẩy mạnh phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác và địa phương có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, nhất là mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia gắn với ổn định biên giới hiện quản. Tiếp tục củng cố, mở rộng quan hệ với các địa phương, đối tác thuộc các quốc gia châu Âu và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tăng cường phối hợp giữa các kênh thông tấn với cơ quan đối ngoại của tỉnh, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại

Nhân dân; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác phù hợp với yêu cầu và điều kiện của tỉnh nhằm thu hút nguồn ngoại lực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của tỉnh. Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch ra nước ngoài và các sự kiện đối ngoại quan trọng tại tỉnh gắn với đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và các cơ chế, chính sách, dự án kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến thăm, khảo sát, tìm hiểu và đăng ký đầu tư tại tỉnh. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Gia Lai với các đối tác nước ngoài đã ký kết, chú trọng nâng cao tính hiệu quả, thiết thực trong các mối quan hệ đối ngoại.

V - CÁC TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG

1. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo lớn mạnh, trở thành trụ đỡ của nền kinh tế⁽²²⁾, dựa trên lợi thế về lao động, nông nghiệp và khai thác có hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây, nhất là khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên trục Quốc lộ 19 và cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; tạo đột phá về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh, hình thành Trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; hỗ trợ chuyển đổi xanh; phát triển công nghiệp bán

⁽²²⁾ Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Về quan điểm chỉ đạo: “Coi phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt”.

dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng.

2. Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn⁽²³⁾ dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, di sản văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Chăm-pa, văn hóa lịch sử, cách mạng; các loại hình nghệ thuật truyền thống, Võ cổ truyền; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng.

3. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và lâm nghiệp bền vững dựa trên lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, có đồi núi thấp để phát triển các vùng chuyên canh lớn (cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi tập trung,...), có biển để phát triển thủy sản công nghệ cao, hình thành các “cú điểm nông - công nghiệp”, xây dựng mô hình vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh.

4. Phát triển dịch vụ cảng - logistics bao gồm cảng biển, ga đường sắt, cảng hàng không, cảng cạn dọc theo Quốc lộ 19, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, hình thành các trung tâm logistics từ Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến Cảng Quy Nhơn.

5. Phát triển đô thị nhanh và bền vững gắn với phát triển thị trường bất động sản công nghiệp, đô thị, bất động sản du lịch, hạ tầng dịch vụ; kinh tế đô thị đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

⁽²³⁾ Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn: Về mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn”.

VI - CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Đột phá trong xây dựng và hoàn thiện thể chế trên cơ sở triển khai nghiêm túc, hiệu quả và vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo nền tảng, động lực để tỉnh Gia Lai vươn mình trong kỷ nguyên mới. Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; chuyển mô hình quản trị từ “quản lý” sang “chính quyền kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp”. Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp tinh, gọn, mạnh; nền công vụ hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

2. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; coi đây là động lực mới quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho khoa học, công nghệ. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực đầu tư vào địa bàn tỉnh.

3. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý; nâng tầm đội ngũ cán bộ, công chức các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Tạo sự đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng cảng - logistics, hạ tầng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, hạ tầng số. Ưu tiên đầu tư

hệ thống giao thông kết nối các địa bàn: cao nguyên - trung du - đồng bằng - ven biển; hệ thống thủy lợi (các hồ, kênh mương) bảo đảm nhu cầu nước tưới cho vùng trồng, nhất là vùng trồng cây công nghiệp.

Tỉnh ta đang cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển giàu mạnh và thịnh vượng của dân tộc, với vị thế, tiềm lực, cơ hội mới đan xen cùng những khó khăn, thách thức rất lớn. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Đại hội lần thứ I Đảng bộ tỉnh đề ra, toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong tỉnh cần phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần, trách nhiệm, khát vọng phát triển quê hương, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, để đưa tỉnh ta trở thành tỉnh phát triển khá, đời sống của Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc và thịnh vượng./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương (báo cáo),
- Các vụ địa phương của các ban đảng Trung ương (báo cáo),
- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CPVP, CVNC,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ
(Đã ký)

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục số 01

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA XX, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Nghị quyết	Ước thực hiện	So với Nghị quyết
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân	%/năm	7 - 7,5	7 - 7,2	Đạt
-	- <i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%/năm	3,2 - 3,6		
-	- <i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%/năm	9,5 - 10,2		
-	- <i>Dịch vụ</i>	%/năm	7,1 - 7,5		
-	- <i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	%/năm	10 - 10,5		
2	GRDP bình quân đầu người	USD	> 3.900	3.935 - 4.016	Vượt
3	Cơ cấu kinh tế đến năm 2025	%	100	100	Đạt
-	- <i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	23,4	23,5	
-	- <i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	31,8	33,7	
-	- <i>Dịch vụ</i>	%	39,6	38,6	
-	- <i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp</i>	%	5,2	4,2	
4	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025	%/GRDP	41	42,8	Vượt
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2025	%	> 16.000	> 18.000	Vượt
6	Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025	Triệu USD	> 6.000	8.202	Vượt

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Nghị quyết	Ước thực hiện	So với Nghị quyết
II CHỈ TIÊU XÃ HỘI					
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	> 45,3	53 - 55	Vượt
2	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	% (xã)	85 (92 xã)	85,8 (97 xã)	Vượt
-	<i>Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	<i>Xã</i>	<i>36</i>	<i>43</i>	<i>Vượt</i>
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo và bồi dưỡng nghề	%	66	66,3	Vượt
4	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	> 95	96,15	Vượt
5	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động	%	20,5	25,52	Vượt
6	Duy trì trạm y tế có bác sĩ	%	100	100	Đạt
7	Duy trì xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	Đạt
8	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	> 70	73,27	Đạt
9	Giải quyết việc làm mới bình quân hàng năm	Người	30.000	31.032	Vượt
10	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%/năm	1,5 - 2	0,62	Vượt
11	Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số				Đạt
III CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG					
1	Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025	%	> 58	58	Đạt

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Nghị quyết	Ước thực hiện	So với Nghị quyết
2	Duy trì dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó:	%	100	100	Đạt
-	<i>Dân số nông thôn được sử dụng nước sạch</i>	<i>%</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	<i>Đạt</i>
3	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến cuối năm 2025	%	83	90 - 92	Vượt
4	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý	%	84	90 - 92	Vượt
5	Duy trì tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt
IV CHỈ TIÊU XÂY DỰNG ĐẢNG					
1	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm sau cao hơn năm trước, chất lượng ngày càng cao hơn	%			Đạt
2	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới bình quân hàng năm so với tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ	%	> 4	3,62	Không đạt

Phụ lục số 02

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH GIA LAI (CŨ) KHÓA XVI, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Nghị quyết	Ước thực hiện	So với Nghị quyết
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân (theo giá so sánh năm 2010)	%/năm	8,6	6,36	Không đạt
-	<i>GRDP theo giá hiện hành</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>131.702</i>	<i>125.597</i>	<i>Không đạt</i>
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	79,5	75,69	Không đạt
3	Cơ cấu kinh tế	%	100	100	Không đạt
-	<i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	<i>29,89</i>	<i>29,93</i>	
-	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	<i>31,22</i>	<i>27,75</i>	
-	<i>Dịch vụ</i>	%	<i>35,4</i>	<i>38,44</i>	
-	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp</i>	%	<i>3,49</i>	<i>3,88</i>	
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân hằng năm	%	12,89	3,11	Không đạt
5	Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hằng năm	%	9 - 10	8,52	Không đạt

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Nghị quyết	Ước thực hiện	So với Nghị quyết
6	Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân	%	7,94	7,94	Đạt
-	<i>Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân</i>	%	<i>5,92</i>	<i>5,92</i>	<i>Đạt</i>
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	35	30,51	Không đạt
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI				
1	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020)	%	> 0,8	1,54% (chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020); 2,01% (chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025)	Vượt
2	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	> 120	110	Không đạt
-	<i>Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới</i>	<i>Địa phương</i>	<i>10</i>	<i>5</i>	<i>Không đạt</i>
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	65	Đạt
4	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm	%	1,1	1,1	Đạt
5	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế và số bác sĩ/vận dân				
-	<i>Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế</i>	%	95	> 95	Vượt
-	<i>Số bác sĩ/vận dân</i>	<i>Bác sĩ</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>Đạt</i>

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Nghị quyết	Ước thực hiện	So với Nghị quyết
6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	68	71,84	Vượt
-	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học cơ sở	%	97	97	Đạt
III CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG					
1	Diện tích rừng trồng mới và tỷ lệ che phủ rừng				
-	Diện tích rừng trồng mới	Ha	40.000	40.000	Đạt
-	Tỷ lệ che phủ rừng (bao gồm cả cây công nghiệp dài ngày)	%	47,75	47,95	Vượt
2	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%	98	98	Đạt
IV CHỈ TIÊU XÂY DỰNG ĐẢNG					
1	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	≥ 80	91,98	Vượt
2	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hàng năm so với đầu nhiệm kỳ	%	≥ 3	3,28	Vượt

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH GIA LAI LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU
I CHỈ TIÊU KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) (theo giá so sánh 2010), trong đó:	%/năm	10 - 10,5
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%/năm	3,8 - 4
-	Công nghiệp - xây dựng, trong đó:	%/năm	13,5 - 14,5
+	Công nghiệp	%/năm	13,5 - 14,5
+	Xây dựng	%/năm	13,5 - 14,5
-	Dịch vụ	%/năm	10,5 - 11
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%/năm	10 - 10,5
2	GRDP bình quân đầu người	USD	6.300 - 6.500
3	Cơ cấu kinh tế	%	100
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	19,5 - 20
-	Công nghiệp - xây dựng	%	36 - 36,5
-	Dịch vụ	%	40 - 41
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	4,2
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	> 41.000
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2026 - 2030	Tỷ USD	> 17
6	Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bình quân giai đoạn 2025 - 2030	%/GRDP	32,2

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU
7	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 50
8	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	25 - 30
9	Lượt khách du lịch đến năm 2030	Triệu lượt	18,5
-	<i>Lượt khách quốc tế</i>	<i>Triệu lượt</i>	<i>1,1</i>
10	Số doanh nghiệp	Doanh nghiệp/ nghìn dân	20
II CHỈ TIÊU XÃ HỘI			
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	> 45
2	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tỷ lệ tối thiểu bằng mức bình quân chung cả nước
-	<i>Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	<i>Xã</i>	
-	<i>Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	<i>Xã</i>	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	> 75,2
4	Tỷ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia	%	≥ 80,5
5	Duy trì trạm y tế có bác sĩ làm việc	%	100
6	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ/vạn dân	10,5
7	Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh/vạn dân	36,4
8	Số xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	100
9	Giảm tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức bình quân chung cả nước	%	Tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức bình quân chung cả nước

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU
10	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động	%	> 35,6
11	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	98
12	Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số		Duy trì
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	< 16,9
14	Số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành	%	> 11.800
III CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG			
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	> 46,5
2	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,8
-	<i>Tỷ lệ sử dụng nước sạch (từ công trình cấp nước tập trung)</i>	%	≥ 67,5
3	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	> 91,3
4	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý	%	95
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn được thu gom, xử lý	%	80
6	Duy trì tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường	%	100
7	Tỷ lệ chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường	%	98

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU
III	CHỈ TIÊU XÂY DỰNG ĐẢNG		
1	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%/năm	≥ 90
2	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm so với tổng số đảng viên	%	≥ 3

PHỤ LỤC 4

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

A - KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

* Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân 5 năm (giai đoạn 2020 - 2025) ước đạt trên 6,71%.

- GRDP bình quân đầu người năm 2025 dự kiến đạt 87,2 triệu đồng/người, (tương đương 3.555 USD/người).

- Cơ cấu kinh tế: Ước cuối năm 2025, tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 27,1%; công nghiệp - xây dựng chiếm 30,9%, dịch vụ chiếm 38%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4%.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt 27.000 tỷ đồng.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu cả giai đoạn ước đạt trên 12.000 triệu USD.

- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn ước đạt 38,1%/GRDP.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến cuối năm 2025 ước đạt 42,7%.

- Ước đến năm 2025, toàn tỉnh có 57/135 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 42,2%), 7/135 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 1/135 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

*** Các chỉ tiêu xã hội**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ước thực hiện năm 2025 đạt 65,36%.

- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đến cuối năm 2025 ước đạt 95,6%.

- Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc đạt 100%.

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối năm 2025 đạt 72,6%.

*** Các chỉ tiêu về môi trường**

- Tỷ lệ che phủ rừng: Đến cuối năm 2025 là 46,09%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%; trong đó, đến cuối năm 2025 có 47,5% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến cuối năm 2025 đạt 87,34%.

- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 89,5%.

- Duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế và 96,5% chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường.

I - NỀN KINH TẾ CỦA TỈNH TUY GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN NHƯNG VẪN DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG KHÁ, THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

1. Sản xuất công nghiệp có mức tăng trưởng và phát triển khá

Nhìn chung giai đoạn 2020 - 2025 sản xuất công nghiệp có bước phát triển và tăng trưởng khá⁽²⁴⁾; cơ cấu ngành công nghiệp trong nền kinh tế chuyển dịch đúng hướng⁽²⁵⁾; các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh như: Chế biến gỗ, dệt may, thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón, dược phẩm, vật liệu xây dựng, sản xuất dăm gỗ, thủy sản, chế biến nông, lâm sản gắn với các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn⁽²⁶⁾, sản

⁽²⁴⁾ Tốc độ tăng trưởng công nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 tương ứng: 5,42% - 18,48% - 15,6% - 3,6% - 5,34% - 10,86%.

⁽²⁵⁾ Cơ cấu qua các năm giai đoạn 2020 - 2025 tương ứng: 18,02% - 19,93% - 22,23% - 22,93% - 22,9% - 24,21%.

⁽²⁶⁾ Giai đoạn 2020 - 2025, quần áo các loại tăng 22%, tôm đông lạnh tăng 12%, cá đông lạnh tăng 11%, thức ăn chăn nuôi tăng 11%, sản xuất dăm gỗ tăng 10%, bàn ghế gỗ tăng 5,5%, phân bón tăng 10%, điện sản xuất tăng 9%, điện thương phẩm tăng 7%, tinh bột sắn tăng 3,8%, bia tăng 1%. Đến nay, toàn tỉnh có khoảng 670 đơn vị sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến các mặt hàng nông, lâm, thủy sản (140 doanh nghiệp và 530 cơ sở nhỏ lẻ). Trong đó có trên 80 cơ sở sơ chế, chế biến cà phê; 05 cơ sở sơ chế, chế biến tiêu với tổng công suất 6.000 tấn/năm; 06 cơ sở chế biến hạt điều với công suất 16.000 tấn nguyên liệu/năm; 15 cơ sở sản xuất, chế biến mủ cao su với tổng công suất 88.000 tấn/năm; 05 nhà máy chế biến tinh bột sắn với tổng công suất 1.000 tấn thành phẩm/ngày; 05 cơ sở chế biến chè có công suất 52 tấn chè tươi/ngày; 02 nhà máy chế biến mía nguyên liệu với công suất 24.000 tấn mía cây/ngày; trên 20 cơ sở sơ chế, chế biến trái cây với tổng công suất trên 75.000 tấn sản phẩm/năm...

xuất và phân phối điện giữ vững tốc độ tăng trưởng⁽²⁷⁾; đồng thời, một số dự án mới có quy mô lớn, công nghệ hiện đại đã hoàn thành, đi vào hoạt động; góp phần nâng cao năng lực sản xuất và duy trì tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp.

Công tác quy hoạch, phát triển công nghiệp và rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề được chú trọng⁽²⁸⁾; đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư, lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có⁽²⁹⁾; từng bước hình thành các “cụm sản xuất nông - công nghiệp ở nông thôn” gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

⁽²⁷⁾ Đến nay, đã có 70 dự án năng lượng tái tạo đang vận hành; trong đó, các nhà máy điện gió đã đầu tư đi vào hoạt động với công suất 248,8 MW, các nhà máy điện gió, điện mặt trời khác với công suất 448,19 MW, nhà máy thủy điện Ia Ly mở rộng với công suất 360 MW.

⁽²⁸⁾ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định đã hoàn thành giai đoạn 1 và đã đưa vào hoạt động. Hoàn thành quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội; triển khai lập Quy hoạch chung 1/5000 Khu công nghiệp Phù Mỹ, Quy hoạch phân khu 1/2000 Khu công nghiệp Hoài Mỹ; phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Ban Quản lý Khu kinh tế đang phối hợp các bộ, ngành Trung ương sớm trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư 02 Khu công nghiệp: Bình Nghi và Cát Trinh; đồng thời, đang khẩn trương hoàn tất các thủ tục về quy hoạch để sớm hình thành các khu công nghiệp ở phía Bắc tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu công nghiệp trọng điểm như: Nam Pleiku, Đak Đoa, Phù Mỹ; đồng thời, nâng cấp hệ thống điện, đường, nước đạt chuẩn.

⁽²⁹⁾ Lũy kế đến nay, trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp đã thu hút 538 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 203.821 tỷ đồng, vốn đầu tư thực hiện khoảng 56.416 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 27% tổng vốn đăng ký). Trong

Công tác khuyến công tiếp tục được quan tâm thực hiện. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ đã phát huy hiệu quả nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất, góp phần nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu và tăng thu ngân sách địa phương. Nhiều sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt cấp tỉnh, khu vực và quốc gia, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP⁽³⁰⁾.

đó, có 57 dự án FDI với vốn đăng ký 2.263,57 triệu USD. Đến nay, có 62/99 cụm công nghiệp với tổng diện tích 2.434,0 ha được thành lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 với diện tích đất công nghiệp 1.594,7 ha; có 46/62 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 1.587,9 ha (trong đó diện tích đất công nghiệp 1.113,2 ha), đã cho thuê và có chủ trương đầu tư 911,3 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động là 81,9%. Các cụm công nghiệp đã thu hút 476 dự án với diện tích 911,3 ha, tổng vốn đầu tư 23.126,5 tỷ đồng, suất đầu tư bình quân 48,6 tỷ đồng/dự án; trong đó, có 333 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với diện tích 618,3 ha, tổng vốn đầu tư 16.078,2 tỷ đồng. Các doanh nghiệp đang hoạt động trong cụm công nghiệp ước tạo giá trị sản xuất công nghiệp chiếm khoảng 20% so tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh và chiếm 37% so tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh; giải quyết việc làm cho hơn 26.000 lao động với mức lương bình quân từ 5,5 - 6,5 triệu đồng/người/tháng, góp phần phát triển công nghiệp trong nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

⁽³⁰⁾ Từ năm 2020 đến năm 2024, đã thực hiện 241 đề án khuyến công với tổng kinh phí hỗ trợ 35.875 triệu đồng, tốc độ tăng kinh phí bình quân 6%/năm; trong đó, khuyến công quốc gia thực hiện 41 đề án với kinh phí hỗ trợ 10.925 triệu đồng, chiếm 30% so tổng kinh phí; khuyến công địa phương thực hiện 200 đề án với kinh phí hỗ trợ 24.950 triệu đồng, chiếm 70% so tổng kinh phí. Kết quả, tạo việc làm cho hơn 1.600 lao động nông thôn; doanh thu của các cơ sở tạo ra hàng năm trên 1.512 tỷ đồng; đóng góp vào ngân sách địa phương hàng năm trên 12,4 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tiếp tục phát triển ổn định, với nhiều sản phẩm đặc trưng đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của đại bộ phận người dân và bước đầu đã xuất khẩu sang một số nước trong khu vực, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

2. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, chất lượng, hiệu quả được nâng lên; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện; chuyển dần theo hướng sinh thái, xanh, ứng dụng công nghệ cao. Cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản có sự chuyển dịch khá rõ nét⁽³¹⁾. Tốc độ tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản trong GRDP của tỉnh bình quân đạt 3,75%/năm⁽³²⁾.

Tỉnh tập trung thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Bước đầu đã hình thành nhiều mô hình, trang trại, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao⁽³³⁾, thu hút một số dự

⁽³¹⁾ Cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 tương ứng: 29,27% - 27,68% - 27,18% - 27,8% - 27,1%.

⁽³²⁾ Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 tương ứng: 3,73% - 2,41% - 4,54% - 3,92% - 4%.

⁽³³⁾ Hình thành 18 vùng sản xuất nông nghiệp có tính chất công nghệ cao với tổng diện tích 3.489,6 ha (14 vùng trồng cây ăn quả; 01 vùng trồng hồ tiêu giống và thương phẩm; 01 vùng trồng cà phê đạt tiêu chuẩn Organic USDA; 01 vùng sản xuất giống rau hoa; 01 vùng trồng dược liệu). Thiết lập, xây dựng được 40 mã số cơ sở đóng gói nông sản xuất khẩu với tổng công suất đóng gói từ 1.650 - 1.800 tấn quả tươi/ngày, chủ yếu trái cây xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Hoa Kỳ...

án nông nghiệp công nghệ cao, hoạt động hiệu quả, gắn với liên kết chuỗi giá trị nông sản⁽³⁴⁾. Các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, VietGAP... ngày càng tăng⁽³⁵⁾.

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng; năng suất, sản lượng các loại cây trồng hằng năm tăng trưởng khá, mang lại hiệu quả kinh tế cao⁽³⁶⁾.

Ngành chăn nuôi duy trì và phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng bền vững. Phương thức chăn nuôi chuyển dịch dần từ nhỏ lẻ sang trang trại tập trung với mô hình công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Công tác quản lý kiểm soát chăn nuôi, phát triển tái đàn gắn với phòng,

⁽³⁴⁾ Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có hơn 2.000 trang trại chăn nuôi (424 trang trại quy mô vừa, 131 trang trại quy mô lớn). Trong đó, có 101 trang trại hoạt động chăn nuôi, sản xuất con giống theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời, hiện có 169 dự án đề xuất đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao, tuần hoàn; trong đó 85 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư.

⁽³⁵⁾ Toàn tỉnh hiện có trên 68.000 ha cây trồng được chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất an toàn và bền vững như: VietGAP là 6.686 ha; hữu cơ là 194 ha; Rainforest là 13.174,8 ha; GlobalGAP là 4.873,4 ha, 4C là 44.246,2 ha. Các sản phẩm chủ lực được ứng dụng công nghệ cao gồm: bơ, sầu riêng, thanh long, ớt, hồ tiêu, cà phê, rau, hoa, dược liệu; có 03 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Công ty TNHH MTV Hương Đất An Phú, Công ty Cổ phần chè Bàu Cạn và Công ty TNHH Vĩnh Hiệp.

⁽³⁶⁾ Sản lượng lương thực cây có hạt: Năm 2021 đạt 683.136 tấn (lúa 638.065 tấn, ngô 45.071 tấn); năm 2022 đạt 683.333 tấn (lúa 631.966 tấn, ngô 51.367 tấn); năm 2023 đạt 694.016,2 tấn (lúa 638.951,2 tấn, ngô 55.065 tấn); năm 2024 đạt 703.674,4 tấn (lúa 648.195,6 tấn, ngô 55.478,8 tấn); năm 2025 đạt 713.738 tấn (lúa 654.738 tấn, ngô 59.000 tấn).

chống dịch bệnh phát huy hiệu quả, số lượng đàn vật nuôi duy trì ổn định, sản lượng thịt xuất chuồng tăng dần⁽³⁷⁾. Công tác tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi với nhiều mô hình quy mô lớn⁽³⁸⁾.

Công tác quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, chăm sóc rừng, trồng rừng đạt kết quả khá tốt, nâng cao chất lượng rừng. Công tác công nhận, bảo vệ và phát triển nguồn giống được quan tâm thực hiện⁽³⁹⁾.

Ngành thủy sản đã được cơ cấu lại theo hướng giảm khai thác gần bờ, tập trung khai thác xa bờ; phát triển nuôi trồng

⁽³⁷⁾ Ước thực hiện năm 2025: Đàn bò đạt 822.000 con, tăng 53% so với cùng kỳ, tương đương 41.367 con; đàn lợn đạt 1.865.000 con, tăng 21,3% so với cùng kỳ, tương đương 327.683 con; đàn gia cầm đạt 19.700 nghìn con, tăng 15,35% so với cùng kỳ, tương đương 2.622 nghìn con, trong đó đàn gà tăng 1.756 nghìn con, tương đương 11,87% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Thịt bò đạt 105.670 tấn, tăng 12,94% so với cùng kỳ, tương đương 12.100 tấn; thịt heo đạt 339.000 tấn, tăng 61.320 tấn, tăng 22,08% so với cùng kỳ; thịt gia cầm đạt 59.065 tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ, tương đương 5.155 tấn.

⁽³⁸⁾ Chuỗi liên kết tiêu thụ lợn hơi với thành phố Đà Nẵng, cung cấp hơn 500.000 con mỗi năm; chuỗi chăn nuôi gà thịt của Công ty TNHH Giống gia cầm Cao Khanh (800.000 con/năm) và Lệ Khánh (100.000 con); chuỗi chăn nuôi lợn thảo mộc của Hợp tác xã Nhơn Khánh liên kết với Công ty TNHH Pecofood, cung cấp hơn 400 con lợn thịt mỗi tháng cho thị trường Đà Nẵng. Bên cạnh đó, có 5 chuỗi liên kết với 178 trại của các công ty lớn như CP Việt Nam, Japfa Comfeed,... Ngoài ra, toàn tỉnh còn có 13 hợp tác xã liên kết với các hộ chăn nuôi dê, ong, heo, gia cầm và yến, tạo nền tảng phát triển bền vững cho ngành chăn nuôi.

⁽³⁹⁾ Toàn tỉnh đã công nhận 299 nguồn giống. Trong đó: Tỉnh Gia Lai (cũ) 24 nguồn giống (21 nguồn giống cây trọt các loại, 03 vườn cây đầu dòng); Tỉnh Bình Định (cũ): 275 nguồn giống (01 nguồn giống cây trọt các loại, 01 rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng và 273 vườn cây đầu dòng).

thủy sản công nghệ cao và nuôi biển; khai thác thủy sản tăng về năng lực tàu thuyền, nâng cao về chất lượng, sản lượng⁽⁴⁰⁾. Cơ sở hạ tầng nghề cá tiếp tục được đầu tư hoàn thiện⁽⁴¹⁾; các chính sách hỗ trợ ngư dân được thực hiện đầy đủ, kịp thời, phục vụ việc đánh bắt, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm. Các giải pháp về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) được chỉ đạo quyết liệt⁽⁴²⁾. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nuôi tập trung công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đa dạng hóa đối tượng nuôi và phương thức nuôi, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái; sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng trưởng đều qua các năm⁽⁴³⁾, nhiều dự án, mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao được triển khai⁽⁴⁴⁾, duy

⁽⁴⁰⁾ Sản lượng khai thác giai đoạn 2021 - 2025 tương ứng: 257.962 tấn - 264.816 tấn - 273.965 tấn - 281.054 tấn - 290.000 tấn.

⁽⁴¹⁾ Toàn tỉnh có 03 cảng cá lớn được công bố theo quy định: Cảng cá Quy Nhơn, Cảng cá Đề Gi, Cảng cá Tam Quan là cảng cá loại II. Trong đó, Cảng cá Quy Nhơn có năng lực bốc dỡ hàng hóa 40.000 tấn/năm; Cảng cá Đề Gi có năng lực bốc dỡ hàng hóa 20.000 tấn/năm; Cảng cá Tam Quan có năng lực bốc dỡ hàng hóa 40.000 tấn/năm. Ngoài ra, tỉnh còn có Cảng cá Nhơn Châu, cảng cá Nhơn Lý và bến cá Tân Phụng.

⁽⁴²⁾ Trong giai đoạn 2020 - 2025, đã xử phạt 556 trường hợp vi phạm khai thác IUU với số tiền 38.880,75 triệu đồng.

⁽⁴³⁾ Sản lượng nuôi trồng giai đoạn 2021 - 2025 tương ứng: 12.993 tấn - 13.233 tấn - 13.407 tấn - 13.939,6 tấn - 16.000 tấn.

⁽⁴⁴⁾ Công ty TNHH Thành Ly, Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ với các công nghệ Biofloc, semibiofloc, công nghệ nhà màng Israel, lưới lan, quản lý tự động hóa các khâu sản xuất,... với năng suất đạt 30 - 40 tấn/ha. Xây dựng thành công mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh - thâm canh ứng dụng công nghệ Semi Biofloc; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật nuôi Biofloc, semi Biofloc tại 4 vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh hiện có cho các hộ nuôi.

trì các vùng nuôi tập trung⁽⁴⁵⁾. Thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi⁽⁴⁶⁾. Bước đầu phát triển nuôi biển⁽⁴⁷⁾. Phát triển diện tích nuôi cá nước ngọt, cá nước lạnh tại các hồ chứa thủy lợi, thủy điện⁽⁴⁸⁾. Công nghiệp chế biến thủy sản đạt kết quả tích cực⁽⁴⁹⁾.

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn tiếp tục được đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện, mang lại hiệu quả⁽⁵⁰⁾;

⁽⁴⁵⁾ 06 Ban quản lý vùng nuôi tôm tập trung tại các vùng Tuy Phước, Phù Mỹ và Hoài Nhơn với tổng diện tích 169,4 ha/315 hộ.

⁽⁴⁶⁾ Chuyển đổi diện tích nuôi tôm thâm canh/bán thâm canh đủ điều kiện sang nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao đạt 148 ha, sản lượng ước đạt 5.200 tấn; chuyển đổi diện tích nuôi trồng thủy sản quảng canh/quảng canh cải tiến, diện tích nuôi tôm trên cát bị dịch bệnh sang nuôi nhuyễn thể có giá trị kinh tế cao (ốc hương) đạt 50 ha, sản lượng ước đạt 900 tấn; phát triển nuôi cá lồng trên hồ chứa, đập dâng đạt thể tích lồng thả nuôi cá rô phi (điều hồng) 35.000 m³, sản lượng ước đạt 950 tấn.

⁽⁴⁷⁾ Tại vùng biển Quy Nhơn và Phù Mỹ ở quy mô hộ gia đình theo phương pháp truyền thống: Nuôi cá biển 1.947 lồng/65.155 m³, sản lượng ước đạt 325 tấn; nuôi tôm hùm thương phẩm 390 lồng /4.212 m³, sản lượng ước đạt 15 tấn; nuôi mực lá thương phẩm 90 lồng/1.350 m³, sản lượng ước đạt 2 tấn.

⁽⁴⁸⁾ Nuôi cá lồng hồ chứa khoảng 1.235 lồng/126.570 m³. Sản lượng năm 2025 ước đạt 3.000 tấn.

⁽⁴⁹⁾ Toàn tỉnh có 7 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu với tổng công suất chế biến là 22.500 tấn/năm. Trong đó chế biến cá biển là 3 nhà máy với tổng công suất là 13.000 tấn/năm, với các sản phẩm chủ lực là cá ngừ đại dương, cá dứa...; 4 nhà máy chế biến tôm với tổng công suất chế biến là 9.000 tấn/năm, sản phẩm chính là các loại tôm đông lạnh, tôm bọc bột...

⁽⁵⁰⁾ Toàn tỉnh có khoảng 283 hồ chứa nước với tổng dung tích 1.275,96 triệu m³ (87 hồ lớn, 49 hồ vừa, 147 hồ nhỏ), 486 đập dâng (1 đập dâng loại lớn, 2 đập dâng loại vừa, 483 đập nhỏ), 274 trạm bơm (15 trạm bơm vừa, 259 trạm bơm loại nhỏ), khoảng 7.813 km kênh mương các loại. Tổng diện tích khu tưới 196.353 ha, các công trình thủy lợi đã tưới được 118.519 ha (đạt 60,4%); trong đó khu vực phía Đông tỉnh tưới 110.093 ha/128.942 ha (đạt 85,4%), khu vực phía Tây tỉnh tưới 8.426 ha/67.411 ha (đạt 12,5%).

cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh, hiệu quả ở hầu hết các khâu sản xuất⁽⁵¹⁾, góp phần tăng năng suất, hiệu quả sản xuất và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi diện mạo nông thôn. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp đồng bộ; nhiều mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả được nhân rộng; môi trường nông thôn được cải thiện theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai thực hiện đồng bộ. Đến nay, toàn tỉnh Gia Lai (mới) đã có 981 sản phẩm đạt hạng OCOP (còn hạn)⁽⁵²⁾; các mặt hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản hướng đến chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm⁽⁵³⁾.

⁽⁵¹⁾ Đến cuối năm 2025, tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất cây trồng (lúa, ngô, lạc, rau màu) tăng từ 7% đến 27% so với năm 2020 như: Làm đất tăng 7%, gieo trồng tăng 27%, chăm sóc tăng 5% và thu hoạch tăng 13%.

⁽⁵²⁾ Trong đó: 851 sản phẩm đạt hạng 3 sao (chiếm 86,75%), 123 sản phẩm đạt hạng 4 sao (chiếm 12,54%), 07 sản phẩm đạt hạng 5 sao (chiếm 0,71%); với tổng số 507 chủ thể OCOP, trong đó: 82 chủ thể là hợp tác xã (chiếm 16,17%), 81 chủ thể là công ty (chiếm 15,98%), 340 chủ thể là cơ sở sản xuất (chiếm 67,06%), 4 chủ thể là hội nông dân/làng nghề/tổ hợp tác (chiếm 0,79%).

⁽⁵³⁾ Toàn tỉnh hiện có khoảng 4.435 cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến các mặt hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản, trong đó loại hình cơ sở sơ chế, chế biến có khoảng 943 cơ sở, các cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22 000, HACCP, BRCS,...

3. Hoạt động thương mại, dịch vụ, thu ngân sách đạt kết quả khá; xuất khẩu được đẩy mạnh; du lịch có chuyển biến mạnh mẽ, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Hạ tầng thương mại, dịch vụ tiếp tục đầu tư hoàn thiện, trong đó chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng loại hình trung tâm thương mại, siêu thị⁽⁵⁴⁾ theo hướng hiện đại kết hợp với đầu tư, nâng cấp các chợ truyền thống. Các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm OCOP được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2020 - 2025 ước đạt trên 741.000 tỷ đồng.

Giai đoạn 2020 - 2025, kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt trên 12.000 triệu USD. Quy mô sản xuất hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp được đầu tư mở rộng. Cơ cấu hàng xuất khẩu có sự chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực. Các mặt hàng qua gia công, chế biến, chế tạo thế mạnh của tỉnh như gỗ và các sản phẩm từ gỗ, nông sản, hải sản, hàng may mặc, bàn ghế nhựa giả mây, các sản phẩm trái cây, cà phê, hồ tiêu... chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu⁽⁵⁵⁾. Kim

⁽⁵⁴⁾ Trên địa bàn tỉnh hiện có 282 chợ (13 chợ hạng I, 33 chợ hạng II và 229 chợ hạng III và 7 chợ tạm); 05 trung tâm thương mại; 37 siêu thị; 730 cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

⁽⁵⁵⁾ Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn như: Sản phẩm gỗ ước đạt 2.212,6 triệu USD, tăng bình quân 7,7%/năm; gỗ các loại 1.788,1 triệu USD, tăng bình quân 9,9%/năm; hàng dệt may ước đạt 1.425,7 triệu USD, tăng bình quân 9,8%/năm; sản phẩm bằng chất dẻo ước đạt 941,5 triệu USD, tăng bình quân 9,5%/năm; hàng thủy sản ước đạt 726,4 triệu USD, tăng bình quân 19,8%/năm; sắn và các sản phẩm từ sắn ước đạt 315 triệu USD, tăng bình quân 9%/năm...

ngạch nhập khẩu ước đạt trên 3.800 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân ước đạt 2,8%/năm⁽⁵⁶⁾. Cán cân thương mại thặng dư trên 8.200 triệu USD, đây là một điểm sáng trong hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh.

Ngành logistics nói chung và năng lực hoạt động của các doanh nghiệp logistics của tỉnh đã có bước phát triển đáng kể, đã thu hút đầu tư 02 dự án cảng và 02 dự án logistics⁽⁵⁷⁾. Hạ tầng logistics ngày càng được cải thiện với đầy đủ các hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không.

Tỉnh đã đẩy mạnh triển khai các chính sách, biện pháp kích cầu, hoạt động xúc tiến, liên kết mở rộng thị trường khách du lịch. Lượng khách du lịch đến tỉnh đạt thấp năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã phục hồi trong các năm tiếp theo⁽⁵⁸⁾. Sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, đa dạng; hằng năm tổ chức được chuỗi các sự kiện, lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch⁽⁵⁹⁾; triển khai kế hoạch thu hút khách

⁽⁵⁶⁾ Trong đó, kinh tế tư nhân ước đạt 1.752,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 74,6%, tốc độ tăng trưởng bình quân 0,4%/năm; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 595,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 25,4%, tốc độ tăng trưởng bình quân 10,8%/năm.

⁽⁵⁷⁾ Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn và Dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030; Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 04) và Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 05) của Công ty TNHH Nông Trại Xanh.

⁽⁵⁸⁾ Ước tính giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã đón 36 triệu lượt khách du lịch, tổng doanh thu du lịch đạt hơn 88.254 tỷ đồng.

⁽⁵⁹⁾ Lễ hội du lịch biển “Quy Nhơn - Thiên đường biển” (2022), “Quy Nhơn - Thiên đường biển - Rực rỡ sắc màu” (2023), “Quy Nhơn - Thiên

quốc tế gắn với các chương trình thu hút đầu tư, các hội chợ, hội thảo du lịch trong và ngoài nước. Hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp⁽⁶⁰⁾. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch được chú trọng⁽⁶¹⁾. Tổ chức thành công các

đường biển - Tỏa sáng và phát triển” (2024); Liên hoan lân sư rồng Đất Võ, Lễ hội Diêu, Lễ hội Đường phố, Vòng chung kết Hoa hậu Thế giới Việt Nam 2022, Lễ hội Khinh khí cầu quốc tế 2023; Ngày hội quà tặng du lịch; Festival Công chiêng Tây Nguyên, Lễ hội Hoa Dã Quỳ - Núi lửa Chư Đăng Ya, Lễ hội Cầu Huê, Lễ hội đua thuyền độc mộc trên sông Pô Cô; Ngày hội văn hóa các dân tộc tỉnh Gia Lai, Lễ cầu mưa Yang Pótao Apui.

⁽⁶⁰⁾ Trên địa bàn tỉnh có 1.254 cơ sở lưu trú với 23.136 phòng, gồm: 02 khách sạn 5 sao, 15 khách sạn 4 sao, 17 khách sạn 3 sao, 48 khách sạn 2 sao, 49 khách sạn 1 sao và 1.123 cơ sở đạt chuẩn. Toàn tỉnh có 89 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trong đó 18 doanh nghiệp lữ hành quốc tế và 71 doanh nghiệp lữ hành nội địa.

⁽⁶¹⁾ Đã hoàn thiện và đưa vào hoạt động Cổng thông tin du lịch và Ứng dụng thông tin du lịch trên thiết bị di động; xây dựng phần mềm hướng dẫn viên du lịch ảo, hệ thống thuyết minh tự động đa ngôn ngữ tại một số điểm tham quan thu hút đông khách. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu số ngành Du lịch, cơ sở dữ liệu về thông tin doanh nghiệp du lịch; triển khai các giải pháp thanh toán điện tử (thẻ tích điểm đa năng, thanh toán trực tuyến, thanh toán mã QR) và lắp đặt máy POS tại các cơ sở dịch vụ du lịch. Đã triển khai mã QR hỗ trợ thuyết minh tại 07 cụm tháp Chăm, một số di tích lịch sử - văn hóa (Bảo tàng Quang Trung, Tiểu chủng viện Làng Sông) và các lễ hội (Lễ hội Đống Đa - Tây Sơn, Lễ hội đua thuyền Gò Bồi, Lễ hội Chợ Gò). Hoàn thành kho dữ liệu quảng bá sử dụng công nghệ ảnh 360 và 3D tại Bảo tàng Quang Trung. Phần mềm quản lý lưu trú trên địa bàn tỉnh được vận hành thông suốt, ổn định. Cổng thông tin du lịch tỉnh gialaitourism.vn triển khai từ năm 2021, cung cấp thông tin tổng hợp về du lịch địa phương, tích hợp ứng dụng thực tế ảo (VR360) và phiên bản di động, tạo thuận tiện cho du khách, đồng thời là kênh truyền thông trực tuyến hiệu quả trong xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch Gia Lai.

lễ hội du lịch gắn với chuỗi các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn với quy mô, sức lan tỏa ngày càng lớn⁽⁶²⁾.

Công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ đọng thuế và công tác kiểm tra, thanh tra, chống chuyển giá, hoàn thuế giá trị gia tăng được tăng cường; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính thuế. Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 27.000 tỷ đồng, vượt 11,2% dự toán tỉnh giao; thu lãi ngân sách nhà nước ước thực hiện 16.400 tỷ đồng, vượt 18,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Công tác chi ngân sách nhà nước được điều hành bám sát khả năng thu, yêu cầu nhiệm vụ chính trị, định hướng

⁽⁶²⁾ - Du lịch biển, đảo: Kỳ Co, Quy Nhơn Đông, Nhơn Châu, Quy Nhơn, Cát Tiến, du lịch cộng đồng ven biển, vui chơi giải trí gắn với ẩm thực và đặc sản biển.

- Du lịch văn hóa - lịch sử - cách mạng: Phát triển tour chuyên đề khai thác di sản phong trào Tây Sơn, tháp Chăm, các di tích lịch sử Gia Lai (Nhà lao Pleiku, Rộc Tung - Gò Đá, Chiến thắng Plei Me, Đak Pơ...). Tổ chức Lễ đón Bằng Di sản Lễ hội Chùa Bà - Cảnh thị Nước Mặn.

- Du lịch sinh thái, cộng đồng và làng nghề: Tại các làng đồng bào dân tộc thiểu số ở Pleiku, Kbang, Chư Păh; tại Nhơn Lý, Ghềnh Ráng, Nhơn Hải, Thuận Nghĩa, Vĩnh Sơn, An Toàn; phát triển du lịch sinh thái tại vườn hoa Anh Đào (Vĩnh Sơn), suối Tà Má, Thác K50, Cao nguyên La Vuông, Cồn Chim, Đầm Trà Ổ...; bảo tồn và khai thác làng nghề chằm nón ngựa Phú Gia.

- Sản phẩm mới và chuyên biệt: Du lịch khoa học (tổ chức tour gắn với Trung tâm Khám phá Khoa học và Đổi mới sáng tạo, Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành); du lịch MICE; du lịch thể thao...

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chỉ tiêu tài chính quốc gia. Tỉnh đã chú trọng kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, bảo đảm đúng định mức, đúng mục tiêu, kịp thời và tiết kiệm. Nguồn ngân sách được phân bổ hợp lý giữa chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo hướng giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng trong khi vẫn bảo đảm chỉ tiêu công hiệu quả, minh bạch. Năm 2025, tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 43.246 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Dịch vụ tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm và hỗ trợ kinh doanh phát triển cả về số lượng, chất lượng. Tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tập trung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, hạn chế tín dụng đen. Chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng được đẩy mạnh.

4. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư đồng bộ, gắn với phát triển các khu vực trong tỉnh

4.1 - Xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm tăng trưởng khá, chiếm tỷ trọng 38,1% trong GRDP. Tỉnh đã tập trung huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện khâu đột phá về hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối vùng đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo động lực phát triển cho tỉnh; đã hoàn thành, đưa vào sử dụng nhiều tuyến giao thông quan trọng và tiếp

tục tập trung nguồn lực cho nhiều tuyến giao thông huyết mạch khác⁽⁶³⁾. Hiện nay mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh có tổng chiều dài 23.780,7 km. Đẩy mạnh giao thông nông thôn, nhất là vùng đồng bào dân tộc, bảo đảm 100% xã có đường ô tô cứng hóa đến trung tâm; đồng thời, đầu tư đường liên xã, đô thị, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông toàn tỉnh.

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi; đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa nước⁽⁶⁴⁾. Chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả cao. Tiếp tục xây dựng và hiện đại hóa trung tâm hậu cần nghề cá Tam Quan, tạo động lực phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cải tạo, nâng cấp khu neo đậu Tam Quan, khu neo đậu đầm Đề Gi. Đồng thời, tăng cường nâng cấp, cải tạo một số công trình cấp nước sạch hiện có, đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sạch tập trung, bảo đảm cơ bản cung cấp cho các vùng thường xuyên thiếu nước trong mùa nắng hạn.

⁽⁶³⁾ Các công trình nổi bật như: Đường ven biển, các đường trục nối Quốc lộ 1 với đường ven biển; cao tốc Bắc - Nam phía Đông; đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát; đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku,...

⁽⁶⁴⁾ Từ năm 2020 đến nay, tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 33 công trình hồ chứa nước, 24 công trình đập dâng, 73 công trình đê, kè (có 03 công trình kè biển), 18 trạm bơm, 28 công trình kênh mương, 30 công trình cấp nước sinh hoạt, 01 dự án kè chống sạt lở.

Hạ tầng y tế, giáo dục và văn hóa - xã hội được đặc biệt quan tâm đầu tư. Tỉnh đã ban hành Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở, Đề án mua sắm máy móc, thiết bị y tế chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các bệnh viện công lập tuyến tỉnh và Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí trên 1.649 tỷ đồng; tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế⁽⁶⁵⁾, đầu tư xây dựng mới các trường học⁽⁶⁶⁾.

Chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị và quản lý chất lượng công trình được nâng lên. Đã hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tỷ lệ lập quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu đô thị cơ bản được phủ kín 100%.

4.2 - Liên kết, phát triển các khu vực trong tỉnh luôn được quan tâm, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng vùng

- *Khu vực đô thị*: Công tác quản lý, phát triển đô thị có những chuyển biến rõ nét, tỷ lệ đô thị hóa dự kiến đến năm 2025 đạt từ 42,7%. Các phường tiếp tục được tập trung chỉnh trang đô thị; quy hoạch và phát triển một số khu đô thị mới như: Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa, Trung tâm

⁽⁶⁵⁾ Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, các Trung tâm y tế của các huyện, thị xã, thành phố.

⁽⁶⁶⁾ Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Quang, Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu.

trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ... Hình thành, phát triển nhiều khu đô thị mới, đồng thời, đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nhằm đủ điều kiện nâng cấp đô thị trong tương lai.

- *Khu vực cao nguyên và đồng bằng*: Kinh tế có bước phát triển rõ nét. Hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh các loại cây trồng. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, công nghệ cao. Bước đầu, đã hình thành các vùng sản xuất cây trồng chủ lực và cây ăn quả tập trung theo hướng liên kết các địa phương tạo thành vùng nguyên liệu lớn để thực hiện liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ. Một số làng nghề được khôi phục, phát triển; đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn. Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư hoàn thiện gắn với xây dựng nông thôn mới. 99% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 47,5% dân số nông thôn tiếp cận nước sạch, đạt chỉ tiêu đề ra.

- *Khu vực miền núi và biên giới*: Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với đề án giảm nghèo nhanh và bền vững. Đến nay, 100% xã miền núi đều có điện lưới quốc gia⁽⁶⁷⁾ và đường bê tông đến trung tâm xã; các chính sách trợ giá, trợ cước, hỗ trợ giống

⁽⁶⁷⁾ Đầu tư hệ thống điện tại chỗ gồm năng lượng mặt trời có bộ lưu trữ điện, kết hợp với máy phát điện diesel để cung cấp điện cho người dân thôn O2, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh (cũ); hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia cho làng Canh Tiến, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh (cũ).

cây trồng, vật nuôi, đất sản xuất, xóa nhà tạm, nhà dột nát... được triển khai đồng bộ, góp phần giảm dần tỷ lệ hộ nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số với các khu vực còn lại của tỉnh. Cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được quan tâm đầu tư, tạo động lực, điều kiện lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa bàn lân cận.

- *Khu vực biển và ven biển:* Đã rà soát, quy hoạch phát triển đô thị, các điểm dân cư ven biển; xác định vị trí, mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (nguy cơ ngập, lũ lụt, sạt lở, xâm nhập mặn...); thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án chống ngập, cấp thoát nước cho địa bàn thường xuyên hạn hán, lũ lụt. Đồng thời, phê duyệt nhiều đề án quy hoạch như: Khu vực phía Nam Đê Gi, quỹ đất dọc tuyến ven biển Đê Gi - Mỹ Thành, khu vực vịnh Quy Nhơn, tuyến đường Quy Nhơn - Sông Cầu... nhằm định hướng phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực biển, ven biển.

5. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) từng bước có sự cải thiện đáng kể; công tác cải cách thủ tục hành chính được xác định là khâu đột phá nhằm giảm chi phí và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ kịp thời yêu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội

trên địa bàn tỉnh⁽⁶⁸⁾. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và bộ phận một cửa tại các địa phương.

Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, hộ gia đình phát triển khá và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Số lượng doanh nghiệp thành lập đã tăng mạnh qua các năm và đến nay có khoảng 17.500 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế. Tính trung bình giai đoạn 2020 - 2025, mỗi năm có khoảng 1.567 doanh nghiệp thành lập mới. Mật độ doanh nghiệp hoạt động bình quân tăng từ 03 doanh nghiệp/1.000 dân năm 2020 và lên 05 doanh nghiệp/1.000 dân năm 2025.

Kinh tế hợp tác tiếp tục được đổi mới về hình thức tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; nhiều hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu hút ngày càng nhiều lao động và đã trở thành đơn vị kinh tế quan trọng ở địa phương. Ước đến 31/12/2025, toàn tỉnh có 780 hợp tác xã; doanh thu bình quân của một hợp tác xã khoảng 3.300 triệu đồng/năm; lãi bình quân một hợp tác xã đạt 146 triệu đồng/năm.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được chú trọng; đã mở rộng, kết nối hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế

⁽⁶⁸⁾ Giai đoạn 2020 - 2025, toàn tỉnh thu hút được 778 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký trên 285.200 tỷ đồng. Các dự án tập trung vào nhiều lĩnh vực trọng yếu như công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, bất động sản và hạ tầng, tạo động lực lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

theo hướng thiết thực, hiệu quả. Giai đoạn 2020 - 2025, đã thu hút được 38 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng số vốn đăng ký đạt 1,75 tỷ USD. Toàn tỉnh hiện có 107 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 2,3 tỷ USD, đến từ nhiều quốc gia như: Thụy Điển, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Hoa Kỳ,...

II - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TIẾP TỤC ĐƯỢC ĐỔI MỚI, CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC ĐƯỢC NÂNG LÊN

1. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới, chất lượng ngày càng được nâng cao

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh phát triển toàn diện. Giáo dục mầm non dần vượt qua khó khăn, phát triển cả về quy mô, điều kiện và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đã tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình. Chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học được nâng cao, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý có tiến bộ rõ rệt. Công tác phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc, thành quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiếp tục được nâng cao.

Quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học phát triển phù hợp với phân bố dân cư và địa hình của tỉnh, tạo cơ hội và đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em các dân tộc tỉnh nhà, góp phần thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài. Tỷ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 ước

đạt 72,6%. Khoảng cách chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa các vùng, địa phương dần được thu hẹp. Hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng có bước phát triển. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo phát triển cả về chất và lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường học tiếng Việt để tạo cơ hội học tập tốt hơn.

Hoạt động giáo dục nghề nghiệp được coi trọng. Việc đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo nghề được quan tâm; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động... đạt kết quả tích cực.

2. Phát triển nguồn nhân lực được quan tâm, nhất là nhân lực chất lượng cao

Tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao, ưu tiên đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật... đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Chất lượng nhân lực ngày càng được cải thiện và nâng cao, đặc biệt là tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học; cơ cấu nhân lực có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn trong cơ cấu lao động của nền kinh tế có xu hướng giảm; đổi mới công tác đào tạo nhân lực đáp ứng theo yêu cầu thị trường lao động. Đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp khá đã được thu hút và phát huy hiệu quả

ở một số ngành, lĩnh vực như: Khoa học công nghệ, y tế, giáo dục, công nghệ thông tin,... Các cơ sở đào tạo và dạy nghề đã cung cấp lao động có tay nghề cho khu vực hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 ước đạt 65,4%.

III - KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CÓ BƯỚC PHÁT TRIỂN; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐƯỢC CHÚ TRỌNG

1. Khoa học, công nghệ có bước phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Tỉnh đã triển khai hiệu quả Chương trình hành động về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 - 2025. Công tác quản lý và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từng bước được đổi mới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao⁽⁶⁹⁾, ứng dụng vào sản xuất và đời sống⁽⁷⁰⁾. Tỉnh đã chủ động nghiên cứu, ứng dụng

⁽⁶⁹⁾ Đã triển khai 14 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025 với tổng kinh phí trên 99,5 tỷ đồng.

⁽⁷⁰⁾ Trên địa bàn tỉnh có khoảng 227.176 ha cây trồng các loại sản xuất theo hướng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, Organic, Rainforest Alliance, FLO. Có 03 cơ sở được chứng nhận chăn nuôi heo VietGAHP quy mô 2.500 con/lứa, sản lượng 5.900 tấn/năm; 01 cơ sở được chứng nhận chăn nuôi bò GlobalGAP, quy mô 10.000 con bò sữa, 2.000 con bò thịt, sản lượng sữa ước đạt 35.000 tấn/năm; 01 cơ sở được chứng nhận nuôi ong VietGAHP quy mô 7.500 đàn và sản lượng 210 tấn/năm.

công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của tỉnh.

Hệ sinh thái khởi nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và nhiều quy định, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn⁽⁷¹⁾. Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa với nòng cốt là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành được quan tâm đầu tư, tiếp tục trở thành điểm đến tin cậy của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai các dự án công nghệ thông tin, phần mềm, trí tuệ nhân tạo... đã được phê duyệt⁽⁷²⁾

⁽⁷¹⁾ Quy định một số nội dung chi và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh, giai đoạn 2022 - 2025...

⁽⁷²⁾ Công viên Sáng tạo TMA đã hoàn thành xây dựng giai đoạn 2 với ba khu tổ hợp, cho 4.000 kỹ sư làm việc và hiện có khoảng 700 kỹ sư phần mềm đang làm việc. Công ty TNHH Phần mềm FPT Quy Nhơn hiện có 550 nhân sự; đang tập trung vào lĩnh vực Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (AI); dự kiến tăng lên 1.000 kỹ sư, triển khai xây dựng giai đoạn 1 dự án Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ Fsoft.

và thu hút một số dự án mới đầu tư trên địa bàn tỉnh⁽⁷³⁾, góp phần tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh. Các chương trình đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo⁽⁷⁴⁾; phát triển doanh nghiệp công nghệ; hoạt động sở hữu trí tuệ và thông tin khoa học, công nghệ được quan tâm⁽⁷⁵⁾. Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường đầu tư, góp phần nâng cao năng lực hoạt động, tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều hệ thống thông tin, nền tảng, phần mềm được đưa vào sử dụng, góp phần thay đổi cơ bản công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động của chính quyền các cấp. Dịch vụ công trực tuyến đã trở thành công cụ quan trọng, làm thay đổi cơ bản phương thức giao tiếp giữa người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

⁽⁷³⁾ Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ của Tập đoàn FPT (2.000 tỷ đồng).

⁽⁷⁴⁾ Tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp; triển khai bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII); duy trì hoạt động Cổng thông tin khởi nghiệp tỉnh và kết nối Cổng thông tin khởi nghiệp Quốc gia; tổ chức sự kiện về Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

⁽⁷⁵⁾ 100% sản phẩm OCOP cấp tỉnh đã được hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu. Hiện tại, tỉnh có 1.516 nhãn hiệu có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (có 693 nhãn hiệu đã có 15 văn bằng bảo hộ); 15 nhãn hiệu chứng nhận có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (có 10 nhãn hiệu được cấp văn bằng bảo hộ); 03 chỉ dẫn địa lý; 20 sáng chế có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (05 sáng chế đã có văn bằng bảo hộ). 06 giải pháp hữu ích có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (có 02 giải pháp hữu ích đã có văn bằng bảo hộ); 30 kiểu dáng công nghiệp có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (có 27 kiểu dáng công nghiệp đã có văn bằng bảo hộ)...

2. Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng

Đẩy mạnh công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, xử lý ước đạt 89,5%; duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường, trong đó, tỷ lệ chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom và xử lý đạt 96,5%.

Công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm được tăng cường thông qua công tác hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý các cơ sở vi phạm. Toàn tỉnh không còn cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, khu vực nông thôn được cải thiện.

Tiếp tục tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học, triển khai các dự án điều tra các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu, có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh (khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn, Kon Chư Răng; Đầm Thị Nại, Đầm Trà Ổ, Đầm Đề Gi...).

Công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống thiên tai, đào tạo, tập huấn cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai và triển khai phương châm “4 tại chỗ” được thực hiện hiệu quả; năng lực theo dõi, giám sát, cảnh báo thiên tai ngày càng nâng cao; cơ sở dữ liệu và hệ thống dự báo, theo dõi, giám sát các trọng điểm về phòng, chống thiên

tai được đầu tư xây dựng⁽⁷⁶⁾, bảo đảm sự vận hành cơ chế phòng, chống bão lụt đồng bộ, thống nhất, linh hoạt từ tỉnh đến xã và trong Nhân dân.

IV - CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI ĐƯỢC QUAN TÂM ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN; ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC NÂNG LÊN

1. Hoạt động văn hóa, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao có nhiều tiến bộ

Công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, di tích cách mạng, di sản được quan tâm đầu tư. Tiếp tục gìn giữ và phát huy nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ Việt Nam đã được UNESCO ghi danh - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và đã hoàn thiện hồ sơ để trình UNESCO ghi danh Võ cổ truyền Bình Định là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, các bộ môn nghệ thuật truyền thống... được chú trọng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từng bước đi vào chiều sâu. Tổ chức thành công nhiều Chương trình nghệ thuật, lễ kỷ niệm, tuyên truyền các sự kiện chính trị lớn của đất nước, của tỉnh. Các lễ hội truyền thống, thể dục thể thao quần chúng được duy trì tổ chức với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn; thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư và đạt nhiều kết quả nổi bật.

⁽⁷⁶⁾ Đã lấp đặt hơn 100 trạm quan trắc đo mưa, mực nước trên các lưu vực sông và hồ chứa.

Công tác thông tin, truyền thông có nhiều đổi mới. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong xã hội, nhất là trên lĩnh vực truyền thông chính sách, cung cấp thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội. Hoạt động truyền thanh cơ sở được đổi mới với việc triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, truyền thanh thông minh và hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh. Hoạt động truyền thông trên internet, mạng xã hội được triển khai hiệu quả.

Hạ tầng viễn thông bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin, mở rộng không gian tiếp cận tri thức cho người dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa. Hệ thống cáp quang biển cập bờ tại Quy Nhơn ADC và SJC2 được đưa vào vận hành, từng bước trở thành một nút giao thông quan trọng trong không gian mạng.

2. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; bảo vệ và chăm sóc bà mẹ, trẻ em được quan tâm

Mạng lưới y tế toàn tỉnh tiếp tục được đầu tư đồng bộ. Cơ sở hạ tầng y tế được đầu tư xây dựng, nâng cấp ngày càng hiện đại; máy móc, thiết bị y tế chuyên dùng tiếp tục được mua sắm, bổ sung phù hợp với từng tuyến kỹ thuật và năng lực sử dụng của cơ sở y tế. Chất lượng nguồn nhân lực y tế được nâng lên rõ rệt nhờ thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút bác sĩ, được sĩ đại học của tỉnh và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế được chú trọng.

Thực hiện tốt các hoạt động về công tác phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, kiểm soát một số bệnh không lây nhiễm phổ biến, phòng, chống HIV/AIDS

và một số bệnh xã hội, bệnh nghề nghiệp, nhất là sớm kiểm soát đại dịch Covid-19 trên địa bàn, đóng góp chung vào quá trình phục hồi, phát triển của nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Các hoạt động của Chương trình mục tiêu y tế - dân số được tiếp tục duy trì thực hiện có hiệu quả. Giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, bệnh phong, bệnh sốt rét. Nhiều chỉ số về y tế và sức khỏe người dân của tỉnh hiện nay đạt được tốt hơn mức trung bình toàn quốc.

Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và chăm sóc người bệnh ngày càng nâng cao. Nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu đã được áp dụng trong chẩn đoán, điều trị bệnh với sự hỗ trợ trực tiếp của các bệnh viện tuyến trên, kết hợp với tổ chức khám bệnh, chữa bệnh từ xa. Công tác khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được thực hiện tốt. Công tác mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, thiết bị y tế được thực hiện kịp thời, đúng quy định, bảo đảm phục vụ tốt cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng.

Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm an toàn thực phẩm được chú trọng. Công tác bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải y tế, an toàn lao động từng bước cải thiện.

3. Các vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết kịp thời

Tập trung giải quyết đồng bộ các vấn đề xã hội gắn với phát triển kinh tế. Đời sống Nhân dân ổn định, có bước cải thiện rõ nét. Công tác giảm nghèo được triển khai quyết liệt,

đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 2,24%⁽⁷⁷⁾. Triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo⁽⁷⁸⁾, kết quả hỗ trợ cho thấy chất lượng nhà ở sau xây dựng hầu hết đều đạt chất lượng, bảo đảm “3 cứng” (*nền - móng cứng, khung - tường cứng, mái cứng*), tuổi thọ công trình được nâng lên. Hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn vượt kế hoạch đề ra, với 12.520 căn. Qua đó, giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định cuộc sống, yên tâm lao động sản xuất, vươn lên thoát nghèo. Việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo cũng đã giúp chỉnh trang bộ mặt nông thôn, bản, làng, ngõ xóm trở nên khang trang, sạch đẹp, góp phần lớn trong việc xây dựng nông thôn mới tại địa phương đạt nhiều kết quả. Các dự án nhà ở xã hội được triển khai bảo đảm theo kế hoạch, với 4.427 căn hoàn thành.

Công tác hỗ trợ tạo việc làm luôn được quan tâm thực hiện. Hệ thống dịch vụ việc làm đã đa dạng hóa các hình thức kết nối cung - cầu lao động, trong đó, tăng cường hình thức trực tuyến; tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài tại các thị trường có

⁽⁷⁷⁾ Toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,53%/năm, đã có 61.305 hộ thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm bình quân 0,99%/năm, đã có 38.672 hộ thoát cận nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân 4,96%/năm, đã có 32.336 hộ dân tộc thiểu số thoát nghèo.

⁽⁷⁸⁾ Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện An Lão; Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 với tổng số hộ được hỗ trợ 5.221 hộ, tổng kinh phí tổ chức thực hiện trên 250 tỷ đồng.

thu nhập cao, ổn định; tăng cường công tác cho vay vốn giải quyết việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

Công tác người có công được chú trọng, tập trung giải quyết hồ sơ tồn đọng tại các địa phương, thực hiện chi trả các chế độ, chính sách kịp thời, đúng quy định, đúng đối tượng. Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt nhiều hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) trang trọng, ý nghĩa. Công tác bảo trợ xã hội được quan tâm, triển khai thực hiện kịp thời chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội. Trợ giúp đột xuất kịp thời, không để người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh mà không được trợ giúp.

Công tác trẻ em và bình đẳng giới được triển khai đa dạng bằng nhiều hình thức, phong phú. Trẻ em được quan tâm bảo vệ, chăm sóc toàn diện và hỗ trợ kịp thời. Công tác bình đẳng giới được triển khai hiệu quả, thiết thực, đi vào chiều sâu. Các hoạt động tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được thực hiện thường xuyên.

V - QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TIẾP TỤC ĐƯỢC GIỮ VỮNG

1. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được đặc biệt chú trọng, thực hiện hiệu quả

Kịp thời cụ thể hóa và thực hiện nghiêm nghị quyết của Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế

trận biên phòng toàn dân và khu vực phòng thủ vững chắc được chú trọng. Lực lượng vũ trang tỉnh được sắp xếp, tổ chức theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm nâng cao hiệu lực hoạt động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương trong tình hình mới; công tác sẵn sàng chiến đấu được nâng cao. Chất lượng huấn luyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ được nâng lên. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao. Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Hoạt động phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an, biên phòng ngày càng hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định địa bàn, bảo đảm chủ quyền, an ninh biên giới, biển đảo.

2. An ninh trật tự trên địa bàn được bảo đảm, chính trị - xã hội được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị; làm tốt công tác nắm tình hình từ sớm, từ xa, từ cơ sở, kịp thời phát hiện, triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Đấu tranh hiệu quả với hoạt động nhen nhóm phục hồi FULRO, “Tin lành Đê Ga”, vượt biên; thực hiện hiệu quả công tác quản lý, giáo dục đối tượng FULRO tại cộng đồng, công tác vận động số đối tượng FULRO, “Tin lành Đê Ga” quay về các tôn giáo được công nhận, đặc biệt là nhân rộng mô hình

“Trở về đức tin, giữ bình yên thôn, làng”, góp phần kiểm soát tốt tình hình và từng bước làm suy yếu, đẩy lùi các nhân tố gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo, an ninh mạng, an ninh thông tin, truyền thông..., giải quyết kịp thời các vấn đề về an ninh xã hội, an ninh nông thôn ngay từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để xảy ra các vụ việc phức tạp, “điểm nóng” về dân tộc, tôn giáo. Tăng cường tuần tra, kiểm soát bảo vệ biên giới⁽⁷⁹⁾; đấu tranh, ngăn chặn, xử lý, giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc, tình huống phát sinh trên tuyến biên giới⁽⁸⁰⁾. Hoàn thành Đề án đưa Công an chính quy về xã và thành lập lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

VI - HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI ĐƯỢC ĐẨY MẠNH

Tổ chức thành công nhiều sự kiện đối ngoại quan trọng với nội dung phong phú, thiết thực, thu hút đông đảo các cơ quan, tổ chức, đối tác và nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tham dự, khảo sát thực tế và ký kết hợp tác, đầu tư. Qua đó, góp phần thúc đẩy thu hút đầu tư, thương mại, du lịch và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế giữa tỉnh với các địa phương, đối tác nước ngoài...

⁽⁷⁹⁾ Tổ chức tuần tra, kiểm soát bảo vệ biên giới được 11.972 lần/214.611 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia; tuần tra song phương 65 lần/792 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia.

⁽⁸⁰⁾ Phát hiện, xử lý 103 vụ/203 đối tượng vi phạm quy định xuất, nhập cảnh; tiếp nhận 10 vụ/31 đối tượng lực lượng bảo vệ biên giới/Campuchia trao trả.

Tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế với sự tham dự của hàng nghìn nhà khoa học đến từ khắp nơi trên thế giới và các sự kiện văn hóa, thể thao nổi bật⁽⁸¹⁾ tại các sự kiện đối ngoại của tỉnh. Tranh thủ vận động chương trình hỗ trợ phát triển, nhân đạo của chính phủ các nước⁽⁸²⁾; tích cực triển khai công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài bám sát định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn 2020 - 2025⁽⁸³⁾.

⁽⁸¹⁾ Liên hoan Quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam lần thứ VIII - Bình Định năm 2023; Tuần lễ Văn hóa - Thể thao - Du lịch; Giải đua thuyền buồm quốc tế và ván chèo đứng Quy Nhơn 2023; Hành trình phủ xanh biển; Trại hè Việt Nam cho các con em kiều bào; Ngày hội Yoga thế giới, Chương trình giao lưu văn hóa mùa dân gian Punjabi Ấn Độ; Sự kiện Du lịch hè 2024; Chương trình “Du lịch, điện ảnh và thể thao - Tự hào bản sắc Việt” và nhiều chương trình giao lưu nghệ thuật truyền thống như: Tuồng, bài Chòi, Võ cổ truyền Bình Định...

⁽⁸²⁾ Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng 27 bộ máy vi tính, tổng trị giá 383,269 triệu đồng ủng hộ cho Chương trình “Sóng và máy tính cho em”, hỗ trợ tình đi thăm, làm việc tại Ấn Độ trong năm 2023; Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam hỗ trợ xây dựng hệ thống nước sạch tập trung tại huyện Chư Prông với tổng kinh phí 50.000 USD; Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Hoa Kỳ hỗ trợ xây dựng Trạm y tế xã Sro, huyện Kông Chro với tổng kinh phí 381.969,1 USD; tổ chức KOICA Hàn Quốc tài trợ thực hiện Dự án Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non cho người dân tộc thiểu số thông qua nâng cao năng lực Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai với tổng kinh phí 161.728 USD...

⁽⁸³⁾ Trong nhiệm kỳ, có 45 tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức trong nước, tổ chức quốc tế đến hoạt động, thực hiện 23 dự án/phi dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ quan chủ quản, với tổng giá trị viện trợ khoảng 4.605.869 USD (tăng 127.181 USD so với cùng kỳ), 17 dự án do bộ, ngành Trung ương làm cơ quan chủ quản (tăng 04 dự án so với cùng kỳ), chủ yếu hỗ trợ trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông, lâm nghiệp...

Bên cạnh đó, đã tổ chức nhiều Đoàn công tác của tỉnh đi thăm, làm việc, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, kết hợp xúc tiến đầu tư tại một số quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Đức, Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ, Italia, UAE, Ấn Độ, Thái Lan... Cùng với việc đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tỉnh đã ký kết được 16 bản thỏa thuận quốc tế với các cơ quan, đơn vị và địa phương nước ngoài theo Luật thỏa thuận quốc tế. Các đối tác ký kết hợp tác hữu nghị với tỉnh khá đa dạng, trong đó có một số địa phương, tổ chức nước ngoài và tập đoàn kinh tế lớn thuộc các nước: Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Cộng hòa Liên bang Đức,... Tiếp tục duy trì, thắt chặt quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác phát triển với các tỉnh Đông Bắc Campuchia và Nam Lào, giữ vững đường biên giới Việt Nam - Campuchia hòa bình, ổn định. Chấp hành nghiêm việc quản lý đoàn ra, đoàn vào, xuất - nhập cảnh⁽⁸⁴⁾.

Quan tâm chỉ đạo tìm kiếm, cất bốc, hồi hương hài cốt liệt sĩ, chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia. Công tác nắm tình hình, quản lý cư trú tại địa bàn, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các vụ việc đưa người xuất cảnh trái phép được tăng cường.

⁽⁸⁴⁾ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tỉnh cử, cho phép 61 đoàn/732 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi công tác nước ngoài; các đoàn đi công tác nước ngoài cơ bản chấp hành tốt quy định của pháp luật Việt Nam và nước sở tại. Đón tiếp, làm việc với 35 đoàn/532 lượt khách; tiếp 222 đoàn/906 lượt khách quốc tế; trong đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp xã giao, làm việc với nhiều đoàn là Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán các nước tại Việt Nam, như: Phần Lan, Đan Mạch, Hoa Kỳ, Hà Lan, Nhật Bản, Lào, Ấn Độ; các tổ chức quốc tế tại Việt Nam như UNICEF, UNDP...

VII - XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Xây dựng chính quyền các cấp, công tác cải cách hành chính

Kịp thời tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và đạt kết quả quan trọng. Hoàn thành Đề án sáp nhập tỉnh Gia Lai (cũ) và tỉnh Bình Định, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã. Sau khi sáp nhập, bộ máy chính quyền 02 cấp vận hành thông suốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng; các cơ quan hành chính nhà nước đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước ngày càng được quan tâm.

2. Công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thanh tra, kiểm tra tiếp tục được chỉ đạo triển khai theo kế hoạch, tập trung vào các lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản, tài chính - ngân sách và những vụ việc nổi cộm, bức xúc có dấu hiệu tiêu cực, vi phạm pháp luật.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo giải

quyết kịp thời, đúng quy định, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh - chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

B - HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

- Kinh tế 2 tỉnh tuy phát triển nhưng chưa bền vững, tốc độ tăng trưởng còn thấp so với tiềm năng, thiếu đột phá, còn 07 chỉ tiêu kinh tế (tỉnh Gia Lai cũ) không đạt Nghị quyết; chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp, dịch vụ còn chậm. Công nghiệp chưa phát triển ổn định, sản phẩm thiếu tính cạnh tranh. Một số chính sách, chương trình triển khai chưa hiệu quả; môi trường kinh doanh còn khó khăn; thiếu các dự án quy mô lớn. Hạ tầng kinh tế - xã hội một số nơi phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi trên địa bàn phía Tây của tỉnh còn khó khăn. Số lượng doanh nghiệp còn ít, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh hạn chế.

- Tình trạng lấn chiếm đất đai, khai thác tài nguyên trái phép, ô nhiễm môi trường, phá rừng, vi phạm vùng biển nước ngoài... tuy được tập trung xử lý nhưng vẫn còn tồn tại. Thương mại, dịch vụ ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Du lịch chưa khai thác hết lợi thế, sản phẩm du lịch chưa phong phú, hạ tầng vui chơi - giải trí còn yếu; chất lượng nguồn nhân lực và công tác quảng bá chưa đáp ứng yêu cầu. Ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống hiệu quả chưa cao; hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo chưa có sự đột phá. Nguồn nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo còn thiếu. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh còn nhiều hạn chế.

- Có 02 chỉ tiêu xã hội (tỉnh Gia Lai cũ) không đạt Nghị quyết. Cơ sở giáo dục một số nơi còn thiếu thiết bị phù hợp chương trình mới. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội vẫn còn những tồn tại, bất cập; chất lượng giáo dục và đào tạo một số nơi chưa đáp ứng tốt yêu cầu; cơ sở và trang thiết bị y tế ở một số nơi còn thiếu. Thị trường lao động phát triển chậm, chất lượng việc làm thấp; kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và nguy cơ tái nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

- Công tác tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng, quân sự địa phương, biên phòng có lúc chưa kịp thời. Tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, quản lý đối tượng có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, để một số đối tượng trong tỉnh nhận chỉ đạo từ bên ngoài hoạt động phục hồi FULRO, “Tin lành Đê Ga”. Một số loại tội phạm xâm phạm trật tự xã hội diễn biến phức tạp; việc giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại kéo dài chưa dứt điểm. Tiến độ điều tra, xử lý một số vụ án tham nhũng, tiêu cực còn chậm; tỷ lệ thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng còn thấp. Công tác hợp tác quốc tế tuy có chuyển biến nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều điểm sáng nổi bật. Nền kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế

chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; tổ chức bộ máy được sắp xếp, tinh gọn; hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên.

I - NGUYÊN NHÂN CỦA KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự lãnh đạo, giúp đỡ, chỉ đạo sâu sát của Trung ương; sự đoàn kết, thống nhất và sự lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của các cấp ủy, tổ chức đảng 2 tỉnh Gia Lai và Bình Định; là kết quả của sự đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; sự tham gia tích cực, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể các cấp trong tỉnh; đặc biệt là tạo được sự đồng thuận, phát huy được tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm và khát vọng vươn lên của Nhân dân.

II - NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

1. Nguyên nhân khách quan

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh chịu những tác động tiêu cực, nguy hiểm, chưa có tiền lệ của đại dịch Covid-19 và những diễn biến phức tạp, khó lường

của tình hình thế giới đã tác động mạnh đến kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh thấp, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, vốn ít, quản trị yếu, hiệu quả kinh doanh chưa cao, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá nhằm thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển nhanh.

- Hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; điểm, tuyến du lịch và cơ sở hạ tầng văn hóa, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi đó, nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, thu ngân sách còn thấp nên ảnh hưởng đến chi đầu tư phát triển.

- Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa; những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ; chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, hạn chế chưa kịp thời, thiếu tập trung, kiên quyết. Sự phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương chưa thường xuyên, hiệu quả. Tinh thần trách nhiệm, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu...

- Nguồn nhân lực phổ thông dồi dào nhưng nhân lực có tay nghề và chất lượng cao còn hạn chế; phân bổ nguồn nhân lực giữa các ngành, vùng địa phương chưa hợp lý.

D - MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Không ngừng đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, kịp thời phát hiện và quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở để huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp chung” đi đôi với giữ vững kỷ cương.

2. Tập trung huy động nội lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đồng thời chủ động, tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Luôn coi trọng phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

3. Tăng cường và giữ vững sự đồng thuận xã hội; xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”, mọi chủ trương, đường lối, chính sách đều phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc./.

PHỤ LỤC 5

KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp triển khai thực hiện với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, toàn diện; góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp.

I - ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tỉnh Gia Lai có diện tích tự nhiên 21.576,5 km², dân số trên 3,5 triệu người⁽⁸⁵⁾; với 135 đơn vị hành chính xã, phường⁽⁸⁶⁾. Đảng bộ tỉnh Gia Lai hiện có 139 đảng bộ trực thuộc⁽⁸⁷⁾, 1.913 tổ chức cơ sở đảng⁽⁸⁸⁾ với 30 đảng bộ bộ phận, 3.281 chi bộ trực thuộc đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và 1.846 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Tổng số đảng viên của toàn đảng bộ là 147.054 đồng chí. Từ năm 2020 đến nay, số chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ từ 92% trở lên, số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ từ 91% trở lên.

⁽⁸⁵⁾ Nguồn: Quyết định số 759/QĐ-TTg, ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

⁽⁸⁶⁾ Gồm 110 xã, 25 phường.

⁽⁸⁷⁾ 135 đảng bộ cấp xã, 2 đảng bộ lực lượng vũ trang, 02 đảng bộ khối.

⁽⁸⁸⁾ Gồm 310 đảng bộ cơ sở, 1.603 chi bộ cơ sở.

Trong nhiệm kỳ qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời của Trung ương, cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng và phát triển khá; các lĩnh vực văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh tiếp tục đạt được những kết quả tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn và hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả. Công tác xây dựng Đảng được chú trọng; chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Nội bộ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, các cấp ủy luôn đoàn kết thống nhất cao; tuyệt đại bộ phận Nhân dân có truyền thống cách mạng, có ý thức tự lực, tự cường, vượt khó vươn lên...

Bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, chưa có tiền lệ, biến đổi khí hậu và thiên tai khó lường; kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp; giá cả thị trường biến động, chuỗi cung cầu đứt gãy... đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đời sống của Nhân dân. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền có mặt còn hạn chế; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

II - KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được đặc biệt coi trọng, triển khai đồng bộ, quyết liệt, đạt được kết quả toàn diện

1.1 - Công tác chính trị, tư tưởng; xây dựng Đảng về đạo đức được tăng cường

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ thường xuyên quan tâm và thực hiện đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng cho cán bộ, đảng viên; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân. Kịp thời quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa⁽⁸⁹⁾ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng để tổ chức thực hiện. Đồng thời, chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, sơ kết, tổng kết việc thực hiện, góp phần bổ sung kinh nghiệm, giải pháp hiệu quả để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng của Đảng bộ.

Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng được các cấp

⁽⁸⁹⁾ Trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 429 nghị quyết, chương trình, kế hoạch, quy định để cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng học tập, nâng cao trình độ nhận thức; nội dung, hình thức luôn được chú trọng đổi mới theo hướng bám sát thực tiễn ở cơ sở, gần nghiên cứu, học tập với việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện. Vai trò của báo chí, truyền thông và văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng được phát huy. Tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa quan trọng của tỉnh, góp phần tuyên truyền, quảng bá về con người, tiềm năng, thế mạnh và các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh đến với các nhà đầu tư, du khách trong và ngoài nước.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội được đẩy mạnh; hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo 35, Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội các cấp ngày càng được nâng lên. Công tác nghiên cứu, biên soạn và xuất bản lịch sử, truyền thống của các đảng bộ, tổ chức, cơ quan, đơn vị trong tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội; sơ kết, tổng kết thực tiễn được quan tâm thực hiện, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ cơ sở. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, giữa “bảo vệ” và “đấu tranh”, nhất là trong công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh⁽⁹⁰⁾ và cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu của cán bộ, đảng viên hàng năm. Công tác tự phê bình và phê bình được tiến hành thường xuyên trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, nhất là trong dịp kiểm điểm cuối năm. Đối với những nơi có biểu hiện mất đoàn kết, có đơn thư, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ hiệu quả thấp đều được cấp ủy gợi ý kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Cuối năm cấp ủy kiểm tra, đánh giá kết quả sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm và làm cơ sở đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ngày càng đi vào chiều sâu, chất lượng được nâng lên⁽⁹¹⁾. Các cấp ủy, lãnh

⁽⁹⁰⁾ Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, chuyên đề hằng năm của tỉnh.

⁽⁹¹⁾ Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh đã cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho 1.307 cán bộ và đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho 5.210 cán bộ, công chức, viên chức; duy trì bồi dưỡng tin học, tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tốt việc bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức cấp xã...

đạo các cơ quan, đơn vị đã chú trọng đổi mới trong công tác tổ chức, quản lý, đánh giá chất lượng đào tạo; chú trọng đào tạo theo chức danh lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, điều hành, xử lý những tình huống cụ thể ở cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, trình độ lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; bảo đảm sự đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả trong đào tạo lý luận chính trị tại địa phương, thực hiện đào tạo lý luận chính trị đồng bộ với các quy định của Đảng về quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, phân cấp quản lý cán bộ.

Công tác xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên được đề cao, giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, tự giác, tự điều chỉnh hành vi trong xử lý công việc và trong các mối quan hệ công tác, nhất là khi tiếp xúc với Nhân dân; kịp thời quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp. Nhờ đó, bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu, vai trò tiên phong gương mẫu, năng lực giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn của cán bộ, đảng viên được nâng lên, khắc phục có hiệu quả những tồn tại, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Công tác dân vận được tăng cường. Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dân vận; chú trọng đối thoại, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; chỉ đạo thực hiện nghiêm Quy chế công tác dân

vận của hệ thống chính trị, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”⁽⁹²⁾, tạo sự đồng thuận xã hội. Thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm, không để xảy ra các vụ việc phức tạp. Vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân.

1.2 - Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã kịp thời tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và đạt kết quả quan trọng. Tập trung chỉ đạo triển khai hoàn thành việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo đúng

⁽⁹²⁾ Giai đoạn 2020 - 2025, toàn tỉnh xây dựng được 5.813 mô hình, điển hình; Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng bằng khen cho 35 tập thể và 27 cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”.

chỉ đạo của Trung ương. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, gắn với tinh giản biên chế⁽⁹³⁾, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tập trung sắp xếp đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong phạm vi lãnh đạo, quản lý, phù hợp tình hình, đặc điểm của cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức từ tỉnh đến cơ sở sau sắp xếp hoạt động thông suốt. Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy đã nhanh chóng ổn định và đi vào hoạt động, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên được các cấp ủy quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực. Sau đại hội, các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội các cấp về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên giai đoạn 2020 - 2025. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng phù hợp với mô hình của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở

⁽⁹³⁾ Hoàn thành sáp nhập tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai, giải thể cấp huyện và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã 2 tỉnh. Sau sắp xếp, sáp nhập tỉnh Gia Lai mới còn 110 xã và 25 phường, giảm 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh, giảm 28 đơn vị hành chính cấp huyện, giảm 238 đơn vị hành chính cấp xã; các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh giảm 36 đầu mối; số cán bộ, công chức, viên chức trước khi sáp nhập tỉnh là 67.026 người, sau khi sáp nhập tỉnh còn 63.896 người, giảm 3.130 người.

cơ sở⁽⁹⁴⁾, xây dựng mô hình “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt” và thí điểm tổ chức sinh hoạt trực tuyến ở những tổ chức đảng có tính chất đặc thù, sinh hoạt tổ đảng ở những chi bộ có đông đảng viên⁽⁹⁵⁾. Chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy⁽⁹⁶⁾.

Công tác phát triển đảng viên được chú trọng⁽⁹⁷⁾, trong đó đã quan tâm phát triển đảng viên trong đoàn viên thanh

⁽⁹⁴⁾ Trong nhiệm kỳ đã thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất, thành lập mới các tổ chức cơ sở đảng; giải thể, chuyển đổi loại hình, chuyển đi ngoài Đảng bộ tỉnh các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương.

⁽⁹⁵⁾ Các tổ chức cơ sở đảng đăng ký xây dựng mô hình “Chi bộ 4 tốt”, “Đảng bộ cơ sở 4 tốt” bảo đảm theo quy định. Đã lựa chọn các chi bộ thực hiện thí điểm sinh hoạt đảng trực tuyến, các chi bộ trực thuộc các đảng ủy xã, phường thực hiện thí điểm sinh hoạt theo tổ đảng đúng quy trình, các bước theo đúng Hướng dẫn số 03-HD/TW, bảo đảm chất lượng sinh hoạt.

⁽⁹⁶⁾ Hằng năm, cấp ủy các cấp có kế hoạch mở các lớp tập huấn về công tác xây dựng đảng cho bí thư, phó bí thư, chi ủy viên; qua đó từng bước nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xây dựng đảng của cấp ủy các cấp; bên cạnh đó, cấp ủy các cấp chú trọng xây dựng cơ chế, môi trường để đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy có điều kiện, động lực rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực công tác.

⁽⁹⁷⁾ Đến 31/8/2025, toàn tỉnh đã kết nạp được 22.017 đảng viên mới, vượt 221 đảng viên so với chỉ tiêu Nghị quyết, tỷ lệ kết nạp đảng viên mới bình quân hàng năm đạt 3,45% (chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới bình quân hàng năm của 2 tỉnh Gia Lai và Bình Định trước khi sáp nhập lần lượt là 3% và 4% trở lên so với tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ, tương ứng với số đảng viên phải kết nạp là đến 31/8/2025 là 21.796 đảng viên; tỷ lệ kết nạp đảng viên bình quân hàng năm tỉnh Gia Lai (cũ) là 3,26%, tỉnh Bình Định là 3,62%).

niên, học sinh, sinh viên, dân quân tự vệ, dự bị động viên, công nhân lao động, dân tộc thiểu số... Công tác quản lý đảng viên được tăng cường; thường xuyên rà soát, sàng lọc, xử lý nghiêm đảng viên vi phạm, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng⁽⁹⁸⁾. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng⁽⁹⁹⁾, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện chặt chẽ, ngày càng thiết thực, hiệu quả⁽¹⁰⁰⁾.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có chuyển biến tích cực, từng bước khắc phục được tình trạng thiếu hụt trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm tính kế thừa, phát triển giữa các thế hệ cán bộ, giữ vững và phát huy đoàn kết nội bộ; tạo được nguồn cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng trước mắt và lâu dài, vừa bảo đảm được công tác triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay⁽¹⁰¹⁾. Chú trọng đến cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ

⁽⁹⁸⁾ Các cấp ủy, tổ chức đảng đã rà soát, đưa 325 đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

⁽⁹⁹⁾ Tỷ lệ tổ chức đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đều đạt trên 90%, đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

⁽¹⁰⁰⁾ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trao tặng Huy hiệu Đảng các loại; tặng Cờ, Bằng khen cho tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm; tặng Cờ, Bằng khen cho tổ chức đảng và đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền.

⁽¹⁰¹⁾ Xác định rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; ngay đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 28/6/2021 về tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

người dân tộc thiểu số và đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho đội ngũ cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt các cấp⁽¹⁰²⁾. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, chế độ chính sách đối với cán bộ được tăng cường, gắn với kiểm soát chặt chẽ quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ tiếp tục được hoàn thiện, triển khai thực hiện đạt kết quả tích cực.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng. Công tác thẩm tra, kết luận tiêu chuẩn chính trị được thực hiện chặt chẽ, thận trọng⁽¹⁰³⁾; việc bố trí, sử dụng cán bộ có vấn đề chính trị được thực hiện đúng theo quy định. Chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan theo quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên đi công tác, học tập, tiếp xúc, quan hệ với các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay, bảo đảm đoàn kết, nhất trí và sự trong sạch, vững mạnh của Đảng; tăng cường công tác bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước.

⁽¹⁰²⁾ Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho 383 cán bộ thuộc đối tượng 3 và 554 cán bộ thuộc đối tượng 4; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp cho 168 cán bộ, công chức, viên chức; bồi dưỡng theo chức danh cho 386 cán bộ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho 17.527 cán bộ, công chức, viên chức.

⁽¹⁰³⁾ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị 44.955 lượt trường hợp phục vụ công tác cán bộ, kết nạp đảng viên.

1.3 - Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên

Đã lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, phù hợp với các quy định của cấp trên và yêu cầu nhiệm vụ của Đảng bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm được chú trọng, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Nhiều vụ việc nghiêm trọng, phức tạp đã được kiểm tra, xử lý theo đúng quy định⁽¹⁰⁴⁾. Đồng thời, đã kịp thời thông tin các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nhất là thông tin các vụ việc được dư luận xã hội quan tâm⁽¹⁰⁵⁾.

Các cấp ủy thường xuyên chỉ đạo kiện toàn ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp; quan tâm đào tạo,

⁽¹⁰⁴⁾ Vụ việc liên quan đến các dự án/gói thầu Công ty Cổ phần tiến bộ quốc tế AIC và các doanh nghiệp thuộc hệ sinh thái AIC trúng thầu trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến năm 2021 (tỉnh Gia Lai cũ); vụ việc liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cho thuê đất trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh (tỉnh Bình Định).

⁽¹⁰⁵⁾ Vụ việc thuộc công trình xây dựng đường Hoàng Văn Thụ nối dài, thành phố Quy Nhơn (tỉnh Bình Định); vụ việc liên quan công tác thi hành án dân sự tại Chi ủy Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (cũ); vụ việc triển khai thực hiện mua sắm thiết bị xét nghiệm Covid-19 tại Đảng ủy Sở Y tế (tỉnh Gia Lai cũ).

bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ trẻ để đào tạo thực tế ở cơ sở, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng bộ có năng lực, bản lĩnh chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng với công tác giám sát của các cơ quan dân cử, công tác thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

1.4 - Công tác nội chính; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tăng cường, đạt được nhiều kết quả quan trọng⁽¹⁰⁶⁾

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo

⁽¹⁰⁶⁾ Các Đoàn Kiểm tra, Đoàn Công tác của Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo 35 vụ việc; kết quả: Đã lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, giải quyết và được Trung ương kết thúc theo dõi 30 vụ việc, còn 05 vụ việc đang tiếp tục chỉ đạo, xử lý. Bên cạnh đó, các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị tiếp nhận và xử lý 5.242 đơn (khiếu nại: 2.100 đơn, tố cáo: 969 đơn, phản ánh, kiến nghị: 2.173 đơn); đã giải quyết xong 5.150 đơn thuộc thẩm quyền, hiện còn 92 đơn đang giải quyết, tỷ lệ giải quyết 98,2%. Đã xử lý, giải quyết 11/12 vụ việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài, đông người, vượt cấp; còn 01/12 vụ việc đang giải quyết (vụ việc liên quan đến cổ phần hóa Công ty Cà phê Gia Lai tại huyện Chư Sê cũ).

của cấp ủy, phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tổ chức, bộ máy của cơ quan nội chính được củng cố, kiện toàn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ngày càng nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về xây dựng văn hóa liêm chính, thực hiện phương châm “4 không” trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực⁽¹⁰⁷⁾. Chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát người đứng đầu về thực hiện nhiệm vụ trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; triển khai quyết liệt, thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; giải quyết kịp thời, có hiệu quả đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

1.5 - Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được đổi mới, đạt nhiều kết quả tích cực

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy,

⁽¹⁰⁷⁾ “Không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần”.

tổ chức đảng gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Đổi mới việc ban hành, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết sát với tình hình thực tiễn và có tính khả thi cao. Chăm lo xây dựng, củng cố và phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng bộ.

Chú trọng đổi mới phong cách, tác phong công tác, giảm hội họp, phân công cán bộ, đảng viên phụ trách, theo dõi địa bàn để nắm bắt tình hình, kịp thời phối hợp, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở⁽¹⁰⁸⁾. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng được tăng cường.

2. Năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ngày càng được nâng lên; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền số, xã hội số

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân; chú trọng thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng các kỳ họp thường lệ, kỳ họp chuyên đề và hoạt động tiếp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu hội đồng nhân dân;

⁽¹⁰⁸⁾ Đã phân công các đồng chí thường trực, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành cấp ủy các cấp và cán bộ, chuyên viên các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy phụ trách, theo dõi địa bàn xã, phường, thị trấn và thôn, khu phố, làng; phân công đảng viên ở thôn, khu phố, làng phụ trách các hộ gia đình.

thực hiện tốt chức năng giám sát đối với các hoạt động của ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan theo luật định. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh ngày càng được nâng lên. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước cho các ngành, địa phương. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao năng lực tự chủ, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Các cơ quan chuyên môn tiếp tục được sắp xếp hoàn thiện, cơ cấu lại tổ chức bên trong bảo đảm tinh gọn; đồng thời, đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tinh thông nghiệp vụ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

3. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục được đổi mới, đạt nhiều kết quả quan trọng; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được phát huy

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức, sắp xếp lại, nội dung, phương thức hoạt động có nhiều đổi mới, bảo đảm thống nhất, hiệu quả, sát cơ sở. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn

dân. Đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được kiện toàn theo hướng nâng cao chất lượng và từng bước trẻ hóa. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động được triển khai tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu, qua đó tập hợp quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, củng cố tổ chức đoàn thể các cấp. Dân chủ cơ sở, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện được đẩy mạnh, chất lượng giám sát, phản biện xã hội được nâng cao.

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

Trong nhiệm kỳ qua, các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã chủ động, tích cực, quyết liệt trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; tổ chức quán triệt kịp thời, cụ thể hóa bảo đảm đúng quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của Đảng bộ tỉnh và triển khai thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong tổ chức thực hiện đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, bảo đảm đồng bộ giữa chủ trương của Đảng với cơ chế, chính sách và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của chính quyền các cấp; thường xuyên đổi mới tác phong công tác, lề lối làm việc theo hướng sâu sát, cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp chặt chẽ, hài hòa, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó, xây dựng Đảng được tập trung đẩy mạnh, chỉnh đốn Đảng được tăng cường; chú trọng giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc ngay từ cơ sở và đề ra chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề thực tiễn đặt ra.

Công tác tổ chức cán bộ được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy trình, quy định; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, kiểm soát quyền lực được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện, đồng bộ với quyết tâm chính trị cao; công tác kiểm tra, giám sát được triển khai quyết liệt, đúng quy trình, quy định, bám sát thực tiễn và yêu cầu của công tác xây dựng Đảng, góp phần giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng; công tác dân vận, nhất là dân vận chính quyền có bước đổi mới, hiệu quả được nâng lên.

Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với hệ thống chính trị từng bước được đổi mới; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được củng cố, nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân được xây dựng vững chắc, đời sống của Nhân dân trong tỉnh ngày càng được cải thiện, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ 2 tỉnh đã đề ra.

* Nguyên nhân của ưu điểm:

- Tập thể Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy luôn đoàn kết, thống nhất, quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo trên cơ sở thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương, của tỉnh; chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, bám sát quy chế làm việc, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng đã quán triệt sâu sắc, thống nhất ý chí, hành động và quyết tâm chính trị cao trong tổ

chức thực hiện công tác xây dựng Đảng; tăng cường đoàn kết, phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân trong nghiên cứu, vận dụng các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước sát với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện, các cấp ủy đã xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, quyết liệt, quan tâm và sâu sát cơ sở; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc và hạn chế, khuyết điểm để lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra giải pháp khắc phục. Đồng thời, chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tiễn, kịp thời sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn bất cập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu đã nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết phải tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới; luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp đã chủ động, tích cực tham mưu, hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng. Đồng thời, phát huy có hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh còn một số hạn chế, khuyết điểm sau:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh ở một số tổ chức đảng chưa sâu rộng, nhất là tuyên truyền trong Nhân dân; một số cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa các nghị quyết, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện chưa sát với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên có lúc, có nơi chưa được chú trọng đúng mức, chưa theo kịp tình hình thực tiễn. Công tác dự báo, định hướng dư luận về những vấn đề, vụ việc phức tạp, nhạy cảm, dư luận quan tâm và việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân có lúc, có nơi chưa thật sâu sát, thiếu kịp thời.

- Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ ở một số nơi có mặt còn hạn chế, còn để một số cán bộ sai phạm, bị xử lý kỷ luật. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của một số cấp ủy chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với nhiệm vụ được giao.

- Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng ở một số nơi còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế. Công tác quản lý đảng viên, nhất là đảng viên đi làm ăn xa còn khó khăn, bất cập. Công tác nắm tình hình

chính trị nội bộ còn khó khăn, nhất là vấn đề liên quan đến chính trị hiện nay của cán bộ, đảng viên. Công tác chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tuy được tập trung chỉ đạo nhưng còn nhiều khó khăn.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có mặt còn hạn chế. Công tác giám định tư pháp, định giá tài sản để đánh giá thiệt hại về tài chính trong các vụ án tham nhũng, kinh tế còn khó khăn, vướng mắc.

- Một số cấp ủy triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát có lúc còn chậm, chưa bảo đảm tiến độ đề ra. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khắc phục các nội dung vi phạm, khuyết điểm tại thông báo kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ tiến độ còn chậm, nhất là các nội dung liên quan các dự án đầu tư.

- Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ở cơ sở tuy đã được tăng cường nhưng hiệu quả còn chưa cao; việc phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội ở một số nơi còn chưa rõ nét.

* Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm:

- Tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, trong nước, trong tỉnh còn không ít khó khăn, thách thức; thiên tai, dịch bệnh đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, đời sống, sinh kế của Nhân dân, nhất là tác động tiêu cực, nguy hiểm, chưa có tiền lệ của đại dịch Covid-19. Các thế lực thù

địch, phản động trong và ngoài nước không từ bỏ âm mưu thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, liên tục có những hoạt động chống phá với nhiều phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, thường xuyên lợi dụng mạng xã hội, Internet để tuyên truyền, kích động chống phá, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Công tác tổ chức xây dựng Đảng có nhiều việc mới, phức tạp, chưa có tiền lệ, khó định lượng, phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, thực hiện trong thời gian không nhiều. Hệ thống các văn bản, quy định, hướng dẫn chưa bao quát đầy đủ các lĩnh vực công tác, cá biệt còn có quy định chồng chéo, mâu thuẫn dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Tỉnh có địa bàn rộng, tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khá cao, đời sống Nhân dân còn khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã phần nào ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền, vận động.

- Năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện, tinh thần trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể chưa cao; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có nơi chưa đồng bộ, thiếu kịp thời.

- Tinh thần trách nhiệm, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nơi, người đứng đầu chưa phát huy hết trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, chưa gương mẫu, còn thụ động, né tránh, trông chờ vào chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, kiên định và vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm vững và cụ thể hóa kịp thời, hiệu quả đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của cấp ủy đảng và các quy định, quyết định của chính quyền các cấp; đồng thời coi trọng công tác tổng kết thực tiễn.

Thứ hai, cần đặc biệt quan tâm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; luôn giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, trước hết là trong cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng.

Thứ ba, không ngừng đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở.

Thứ tư, quán triệt sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt” của công tác xây dựng Đảng; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và có tư duy đổi mới, có tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự nghiệp chung.

Thứ năm, không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; kiểm soát chặt chẽ quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát động và triển khai hiệu quả, thực chất các phong trào thi đua yêu nước; kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, cách làm hay, mô hình hiệu quả trong công tác xây dựng Đảng.

Thứ sáu, coi trọng công tác dân vận, không ngừng giữ gìn, củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh./.